

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

**QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

**NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP – SỐ 11
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI
NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-
2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**



Điện Biên,.../2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT TÍCH HỢP – SỐ 11
PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI
NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021-
2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
ACUD VIỆT NAM

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch tỉnh	5
2. Mục đích và yêu cầu phối hợp triển khai thực hiện nội dung đề xuất tích hợp trong quy hoạch tỉnh.	8
<i>2.1. Mục đích triển khai thực hiện:</i>	<i>8</i>
<i>2.2. Yêu cầu chung về triển khai và phối hợp thực hiện:</i>	<i>8</i>
3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu	8
<i>3.1. Phạm vi nghiên cứu:</i>	<i>8</i>
<i>3.2. Đối tượng nghiên cứu:</i>	<i>9</i>
4. Giới thiệu tổng quan về phương pháp luận trong việc nghiên cứu lập Quy hoạch tỉnh	9
PHẦN I. TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN, THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN	11
1. Mức độ đầu tư điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản; tiềm năng khoáng sản tỉnh Điện Biên	11
<i>1.1. Mức độ điều tra địa chất - khoáng sản</i>	<i>11</i>
<i>1.2. Các khu vực đã được đầu tư đánh giá, thăm dò khoáng sản do Bộ Công Nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép</i>	<i>11</i>
2. Khái quát về cấu trúc địa chất và tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên	13
<i>2.1. Khái quát về cấu trúc địa chất</i>	<i>13</i>
<i>2.2. Về tiềm năng tài nguyên khoáng sản.</i>	<i>14</i>
3. Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đã và đang thực hiện	19
PHẦN II. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI KỲ 2021-2030.....	22
1. Phân vùng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên.....	22
<i>1.1. Tổng quan về tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên</i>	<i>22</i>
<i>1.2. Dự báo yếu tố tác động và nhu cầu sử dụng khoáng sản</i>	<i>27</i>
2. Phương án chi tiết bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên.....	29
<i>2.1. Khoanh vùng chi tiết khu vực tài nguyên</i>	<i>29</i>
<i>2.2. Phương án bảo vệ tài nguyên</i>	<i>72</i>
<i>2.3. Giải pháp bảo vệ khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản</i>	<i>73</i>
<i>2.4. Giải pháp về huy động vốn</i>	<i>75</i>

2.5. Giải pháp về cơ chế chính sách	75
2.6. Giải pháp về khoa học công nghệ.....	76
2.7. Giải pháp về phát huy trách nhiệm của nhà đầu tư khai thác khoáng sản đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương.....	76
2.8. Giải pháp tăng cường thống nhất quản lý nhà nước về khoáng sản từ trung ương tới địa phương	76
KẾT LUẬN.....	79
1. Tổng kết.....	79
2. Kiến nghị	79

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 1.2-1: Các báo cáo điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản do do Bộ Công nghiệp và Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép có trong Lưu trữ Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam</i>	<i>11</i>
<i>Bảng 2.2-1: Bảng thống kê mục tiêu cụ thể của các loại tài nguyên</i>	<i>20</i>
<i>Bảng 1.2-1: Bảng thống kê dự báo nhu cầu một số loại khoáng sản đến năm 2030</i>	<i>28</i>
<i>Bảng 2.1-1: Các khu vực quy hoạch than đá nhỏ lẻ</i>	<i>29</i>
<i>Bảng 2.1-2: Các khu vực đang hoạt động khoáng sản đối với đá xây dựng</i>	<i>33</i>
<i>Bảng 2.1-3: Các khu vực quy hoạch đá xây dựng thuộc diện không đấu giá theo QĐ số 1662/QĐ-UBND ngày 10/9/2021</i>	<i>38</i>
<i>Bảng 2.1-4: Các khu vực sét gạch ngói đang khai thác</i>	<i>41</i>
<i>Bảng 2.1-5: Các khu vực cát xây dựng – khu vực không đấu giá năm 2021</i>	<i>42</i>
<i>Bảng 2.1-6: Các khu vực cát, sỏi làm vật liệu xây dựng – khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản.....</i>	<i>45</i>
<i>Bảng 2.1-8: Các khu vực quy hoạch đất san lấp – thuộc diện không đấu giá quyền khai thác</i>	<i>49</i>
<i>Bảng 2.1-9: Các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ khác (ngoài than) đủ tiêu chí theo quy định tại Nghị định chính phủ số 158/2016/NĐ-CP, ngày 29 tháng 11 năm 2016</i>	<i>51</i>
<i>Bảng 2.1-10: Tổng hợp các khu vực Quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 theo loại khoáng sản.....</i>	<i>53</i>

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch tỉnh

Điện Biên là tỉnh biên giới thuộc vùng Tây Bắc của Tổ quốc, có tọa độ địa lý 20°54' - 22°33' vĩ độ Bắc và 102°10' - 103°36' kinh độ Đông, có tổng diện tích tự nhiên 9.541,25 km², dân số 601.659 người.. Điện Biên là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với 2 quốc gia Lào và Trung Quốc với tổng chiều dài 455,573 km, trong đó: đường biên giới Việt Nam - Lào là 414,712 km; đường biên giới Việt Nam - Trung Quốc là 40,861 km.

Điện Biên được chia thành ba vùng kinh tế:

Một là, Vùng kinh tế động lực (Trục kinh tế động lực quốc lộ 279): gồm TP Điện Biên Phủ, các huyện Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Ảng. Vùng này phát triển các loại cây cao su, cà phê, các loại cây ăn quả: Cam, bưởi, Xoài,...; lúa gạo, cây Mắc ca. Đây là khu vực tăng trưởng năng động nhất trong kinh tế tỉnh Điện Biên (đóng góp trên 70% tổng sản phẩm trong tỉnh).

Hai là, Vùng kinh tế sinh thái ven sông Đà hay còn gọi là Vùng kinh tế phía Bắc: gồm các huyện Tủa Chùa, Thị xã Mường Lay và một phần của huyện Mường Chà. Trong thời gian qua mới tập trung chủ yếu vào thực hiện nhiệm vụ tái định cư thủy điện Sơn La thuộc địa bàn huyện Tủa Chùa và thị xã Mường Lay. Song song với công tác tái định cư, đã hoàn thành nhà máy thủy điện Nậm He với công suất 16 MW, tập trung vào phát triển mở rộng diện tích chè đặc sản, nuôi trồng khai thác thủy sản, chăn nuôi gia súc, khoanh nuôi bảo vệ rừng, quy hoạch và đã từng bước triển khai tuyến vận tải thủy gắn với du lịch trên lòng hồ thủy điện Sơn La.

Ba là, Vùng kinh tế Nậm Pồ, Mường Nhé: hiện tại là khu vực khó khăn nhất của tỉnh, trong những năm qua tình trạng di dịch cư tự do tuy đã giảm nhưng chưa triệt để. Tuy nhiên, với sự tích cực của Tỉnh, sự quan tâm đầu tư của Trung ương, đến nay đã tập trung chỉ đạo triển khai Đề án sắp xếp ổn định dân cư gắn với phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng an ninh huyện Mường Nhé theo Quyết định (số 79) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đã đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho huyện mới chia tách, kết hợp đẩy mạnh phát triển các cây công nghiệp dài ngày như cao su, mắc ca,

chăn nuôi đại gia súc, trồng rừng gắn với quản lý, bảo vệ rừng thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng, phát triển, kinh tế cửa khẩu là những bước đi phù hợp với lộ trình đã định, góp phần phát triển ổn định, bền vững vùng biên giới phía Tây của Tỉnh.

Thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên thời kỳ 2006-2020 (được phê duyệt tại Quyết định số 230/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/10/2006) và Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (được phê duyệt tại Quyết định số 555/QĐ-TTg ngày 16/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ) đã đạt được nhiều kết quả quan trọng: Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân trong giai đoạn 2011-2015 tính theo phương pháp so sánh tăng 9,12%/năm, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 4,53%/năm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 7,30%/năm; khu vực dịch vụ tăng 12,95%/năm. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân trong giai đoạn 2016-2020 tính theo phương pháp so sánh tăng 7,12%/năm, trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 3,86%/năm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 7,12%/năm; khu vực dịch vụ tăng 8,31%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản; mô hình tăng trưởng đang có sự chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu và nâng cao chất lượng tăng trưởng; kết cấu hạ tầng được đầu tư ngày càng hoàn thiện; khai thác hiệu quả và tối đa các tiềm năng, lợi thế trong phát triển; giải quyết việc làm, bảo đảm an sinh xã hội. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội ổn định.

Đến nay, Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần được nghiên cứu, xây dựng mới cho phù hợp với tình hình mới, đó là:

(1) Thực hiện Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, UBND tỉnh Điện Biên tổ chức lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch tỉnh Điện Biên được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các huyện, thành phố có tính tới yếu tố liên vùng và hội nhập kinh tế quốc tế.

(2) Một số chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đang được nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện như: Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 2021-2030, các quy hoạch được xây dựng mới theo Luật Quy hoạch (quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng) sẽ có tác động trực tiếp đến định hướng phát triển của tỉnh Điện Biên trong những năm tới. Mặt khác, theo yêu cầu của Luật Quy hoạch, việc xây dựng Quy hoạch tỉnh Điện Biên là để cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng ở cấp tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

(3) Sự tác động của bối cảnh quốc tế, trong nước và thực tiễn phát triển của Tỉnh đã đặt ra yêu cầu cần thiết phải xây dựng mới quy hoạch: Yêu cầu đặt ra từ cách mạng công nghiệp 4.0; Việt Nam tham gia vào một loạt FTA thế hệ mới, Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... là những yếu tố quan trọng thúc đẩy thương mại và đầu tư; Chiến tranh thương mại giữa các nền kinh tế lớn (Mỹ - Trung Quốc - EU) sẽ có tác động lớn đến chính sách đầu tư, thương mại của các quốc gia, đặc biệt với Điện Biên là tỉnh có đường biên giới giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và giáp CHDCND Lào.

(4) Để tiếp tục khai thác hiệu quả hơn nữa vị trí địa lý của Tỉnh trong tình hình mới, cần thiết phải xây dựng các định hướng phát triển mới cho Điện Biên trong thời gian tới.

Do vậy, việc nghiên cứu và xây dựng Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, là rất cần thiết theo yêu cầu của hướng tiếp cận mới, có tầm nhìn dài hạn, nhằm phát huy hiệu quả các lợi thế của Tỉnh, làm căn cứ khoa học và thực tiễn cho việc tổ chức không gian lãnh thổ kinh tế - xã hội và xây dựng các kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm, đáp ứng yêu cầu phát triển chung của cả nước, đồng thời nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội để xây dựng Điện Biên trở thành tỉnh phát triển toàn diện.

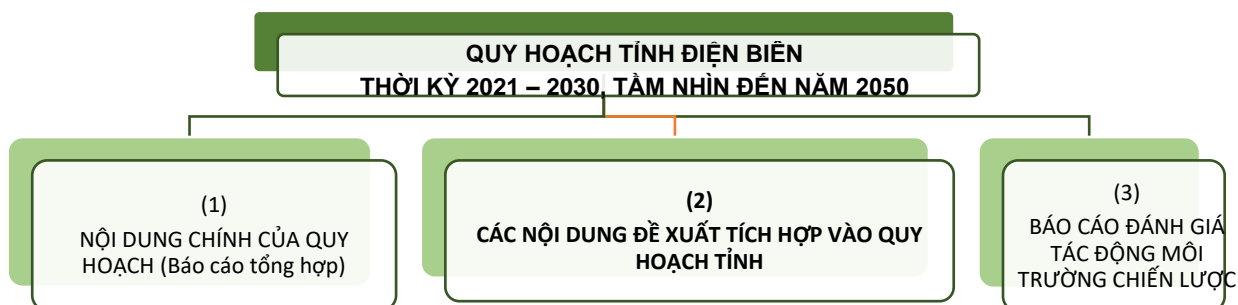
2. Mục đích và yêu cầu phối hợp triển khai thực hiện nội dung đề xuất tích hợp trong quy hoạch tỉnh.

2.1. Mục đích triển khai thực hiện:

Nội dung đề xuất là một trong những nhiệm vụ được thực hiện trong quá trình lập quy hoạch tỉnh. Nội dung đề xuất được xác định trong Nhiệm vụ lập quy hoạch sẽ được phân công đến các cơ quan, tổ chức liên quan để lập và tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Quá trình triển khai cần thực hiện, rà soát, đồng nhất số liệu, đánh giá thực trạng phát triển các vấn đề liên quan trong Nội dung đề xuất nghiên cứu tích hợp của liên quan đến góc độ quản lý của các Sở, ngành và địa phương trong thời gian qua để xây dựng phương án phát triển cho thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

Việc sử dụng kết quả nghiên cứu đầu ra của các Nội dung đề xuất để tích hợp vào quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, không mâu thuẫn lẫn nhau trong hoạt động quy hoạch. - Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành quá trình phát triển chung của tỉnh.

2.2. Yêu cầu chung về triển khai và phối hợp thực hiện:



Nội dung đề xuất tích hợp trong thành phần hồ sơ Quy hoạch tỉnh

- Yêu cầu về triển khai và phối hợp thực hiện: căn cứ các quy định của pháp luật về quy trình lập Quy hoạch tỉnh tại Điểm c, Khoản 4, Điều 16 Luật Quy hoạch và Khoản 1, 2, Điều 13, Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, **các sở, ban, ngành, địa phương thuộc tỉnh có trách nhiệm “Đề xuất nội dung đưa vào quy hoạch thuộc lĩnh vực phụ trách và gửi cơ quan lập quy hoạch”.**

3. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu

3.1. Phạm vi nghiên cứu:

** Về không gian:*

- Phạm vi lập quy hoạch tỉnh Điện Biên bao gồm toàn tỉnh Điện Biên với diện tích tự nhiên là 9.541,25 km²; 10 đơn vị hành chính, gồm: Thành phố Điện Biên Phủ, thị xã Mường Lay, huyện Mường Nhé, huyện Mường Chà, huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo, huyện Mường Ảng, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông và huyện Nậm Pồ.

- + Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sơn La;
- + Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu, phía Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc);
- + Phía Tây và Tây Nam giáp ba tỉnh Bắc Lào là Phong Sa Ly và Luông Pha Bông của nước CHDCND Lào;

- Tỉnh Điện Biên có toạ độ địa lý từ 20o54' – 22o33' vĩ độ Bắc và 102o10' – 103o36' kinh độ Đông....

** Về thời gian:*

- Tư liệu đánh giá thực trạng từ năm 2011 – 2020;
- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

3.2. Đối tượng nghiên cứu:

- Thực trạng phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế-xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
- Các định hướng, giải pháp và phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế-xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

4. Giới thiệu tổng quan về phương pháp luận trong việc nghiên cứu lập Quy hoạch tỉnh

- Sử dụng tổng hợp các phương pháp:
- Phương pháp kế thừa và tích hợp;

- Phương pháp điều tra tổng hợp nhằm bổ sung tài liệu, số liệu điều kiện tự nhiên, KT- XH, hiện trạng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khả năng phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Phương pháp mô hình toán;
- Phương pháp khảo sát kỹ thuật;
- Phương pháp phân tích kinh tế;
- Phương pháp chuyên gia;
- Phương pháp phân tích GIS;
- Phương pháp quy hoạch với sự tham gia của cộng đồng.

PHẦN I. TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN, THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

1. Mức độ đầu tư điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản; tiềm năng khoáng sản tỉnh Điện Biên

1.1. Mức độ điều tra địa chất - khoáng sản

Cho đến nay, trên phần lớn diện tích tỉnh Điện Biên đã được Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tổ chức điều tra địa chất, khoáng sản ở tỉ lệ 1:50.000 và tìm kiếm một số điểm khoáng sản. Hiện nay, phần lớn diện tích huyện Mường Nhé và một phần diện tích phía nam huyện Điện Biên và Điện Biên Đông đang được lập bản đồ và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000.

Các kết quả điều tra khoáng sản phân bố rải rác trong 13 báo cáo địa chất đã hoàn thành hiện đang được lưu trữ tại Lưu trữ Địa chất.

1.2. Các khu vực đã được đầu tư đánh giá, thăm dò khoáng sản do Bộ Công nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép

Cho đến nay, trên địa bàn tỉnh Điện Biên có các báo cáo điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản do Bộ Công nghiệp và Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép thực hiện đã hoàn thành nộp Lưu trữ Địa chất (LTĐC).

*Bảng **Error! No text of specified style in document.**-1: Các báo cáo điều tra, đánh giá, thăm dò khoáng sản do Bộ Công nghiệp và Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép có trong Lưu trữ Địa chất, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam*

Số TT	Tên báo cáo	Năm hoàn thành	Ký hiệu Lưu trữ
1	Địa chất và Khoáng sản tỷ lệ 1:50.000, nhóm tờ Điện Biên	1999	Bd251
2	Đo vẽ bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản nhóm tờ Tuần Giáo, tỷ lệ 1: 50.000	2005	Bd283
3	Đo vẽ lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1: 50.000 nhóm tờ Lai Châu	2006	Bd287

Số TT	Tên báo cáo	Năm hoàn thành	Ký hiệu Lưu trữ
4	Tìm kiếm đánh giá Đá vôi, Đá sét Xi măng Tây Chang, Na Hai (Bắc Lư) Điện Biên, Lai Châu.	1995	Dx.57
5	Điều tra Địa chất Đô thị Điện Biên	1996	Dt.8
6	Báo cáo đánh giá triển vọng quặng đồng, vàng và các khoáng sản khác vùng Nậm He-Huổi Sáy, Mường Lay, tỉnh Lai Châu	2006	D.63
7	Đánh giá triển vọng quặng chì – kẽm vùng Nà Tông – Xá Nhè, Tủa Chùa- Tuần Giáo, Điện Biên	2009	Ck.92
8	Tìm kiếm thăm dò Kaolin Huổi Phả khu vực Điện Biên Phủ (Lai Châu)	1968	Ds.43
9	Tìm kiếm thăm dò mỏ Sét Cò Non, Điện Biên, Lai Châu	1970	Ds.57
10	Tìm kiếm Than vùng Tây bắc Thái Nguyên tỉ lệ 1:10.000	1979	T175
11	Tìm kiếm Than vùng Na Sang, Điện Biên, Lai Châu	1983	T.189
12	Tìm kiếm Đánh giá Than mỡ khu mỏ Thanh An, Điện Biên, Lai Châu	1997	T.260
13	Báo cáo kết quả thăm dò quặng đồng vùng Nậm He – Huổi Sáy, xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. (Trữ lượng tính đến tháng 8 năm 2011)	2013	Đ.71

2. Khái quát về cấu trúc địa chất và tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên

2.1. Khái quát về cấu trúc địa chất

Phần lớn diện tích tỉnh Điện Biên thuộc đới cấu trúc Tây Bắc, một phần nhỏ về phía tây thuộc đới Mường Tè. Tham gia vào cấu trúc địa chất của tỉnh có các thành tạo trầm tích biến chất, trầm tích lục nguyên, carbonat, phun trào, xâm nhập tuổi Proterozoi - Paleozoi - Mesozoi và các trầm tích bờ rời tuổi Neogen và Đệ tứ.

- Các đá trầm tích bị biến chất

Các đá trầm tích bị biến chất gồm đá phiến thạch anh biotit, đá phiến thạch anh - feldspat - mica, quartzit, đá phiến thạch anh - sericit - clorit hệ tầng Nậm Cồ; đá phiến thạch anh - sericit xen đá vôi hệ tầng Nậm Ty; đá phiến thạch anh - sericit, đá phiến thạch anh feldspat, cát kết hệ tầng Sông Mã; đá vôi, đá vôi sét hệ tầng Hàm Rồng; đá phiến thạch anh - sericit, cát kết dạng quartzit, cát kết hệ tầng Bền Khế, Đông Sơn; đá phiến thạch anh - sericit, cát kết dạng quartzit hệ tầng Nậm Pịa.

- Các đá trầm tích lục nguyên

Các đá trầm tích lục nguyên gồm cuội kết, cát kết đa khoáng, bột kết, đá phiến sét bột kết thuộc các hệ tầng Sông Đà, Yên Duyệt, Cò Nòi, Tân Lạc, Lai Châu, Nậm Thăm, Mường Trai, Nậm Mu, Suối Bàng, Nậm Pô, Yên Châu... Một số loại đá phiến sét bị biến chất trong vùng có thể sử dụng làm đá phiến lợp; trong trầm tích hệ tầng Suối Bàng có than đá quy mô nhỏ.

- Các đá carbonat

Điện Biên là một trong những tỉnh có diện phân bố đá carbonat khá rộng rãi. Đá vôi ở trong tỉnh thuộc nhiều phân vị địa tầng khác nhau, có tuổi từ Cambri muộn (hệ tầng Hàm Rồng), Devon (hệ tầng Bản Páp), Carbon - Permian (hệ tầng Bắc Sơn), Trias (hệ tầng Đồng Giao). Đây là nguồn nguyên liệu xi măng và đá xây dựng rất quan trọng.

- Các trầm tích bờ rời Neogen - Đệ tứ: chủ yếu gặp trong các thung lũng sông và thung lũng giữa núi: đây là đối tượng cung cấp cát cuội sỏi xây dựng nhưng qui mô thường không lớn.

- Các đá magma

Đá magma trong phạm vi tỉnh Điện Biên tương đối phong phú gồm đá núi lửa và đá xâm nhập.

Đá núi lửa khá phổ biến thuộc các phân vị địa tầng hệ tầng Cẩm Thủy, Sông Đà.

Các đá xâm nhập rất phong phú, chủ yếu có thành phần axit, trung tính và kiềm thuộc các phức hệ Điện Biên, Pu Sa Phìn, Pu Sam Cáp.

- Các hệ thống đứt gãy

Các hệ thống đứt gãy lớn nhất, có vai trò chủ yếu trong cấu trúc vùng đều có phương kinh tuyến, tây bắc – đông nam và đông bắc – tây nam, trong đó lớn nhất là đới đứt gãy Điện Biên - Lai Châu, kéo dài qua thành phố Điện Biên, thị xã Mường Lay và xa hơn nữa về phía bắc. Dọc theo đới đứt gãy đá bị nén ép, phân phiến biến chất rất mạnh, nhiều nơi có thể sử dụng làm đá lọc. Đây là đứt gãy đang hoạt động, cần được lưu ý trong thiết kế, xây dựng công trình vĩnh cửu.

2.2. Về tiềm năng tài nguyên khoáng sản.

Kết quả của công tác điều tra tài nguyên khoáng sản đã ghi nhận 85 mỏ, điểm khoáng sản và biểu hiện khoáng sản gồm 17 loại khoáng sản rắn và một số nguồn nước nóng - nước khoáng. Cụ thể là:

- Than đá:

Trên diện tích tỉnh đã phát hiện và đăng ký 1 mỏ và 13 điểm khoáng sản than. Than trên diện tích tỉnh nằm trong trầm tích hệ tầng Suối Bàng, hầu hết có quy mô nhỏ, chất lượng thấp, chỉ thích hợp cho khai thác, sử dụng phục vụ nhu cầu địa phương. Mỏ than Thanh An (xã Thanh An, huyện Điện Biên) đã được khai thác quy mô nhỏ, Hiện đang làm thủ tục đóng cửa mỏ. Một số điểm than đã được tìm kiếm đánh giá (Ta Lé, Tia Ló, Huổi Mưa, Pa Sa, Huổi Xa, Tinh Đan, Huổi Khao) còn lại mới được phát hiện và khảo sát trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000, 1:200.000.

Tuy than ở Điện Biên có quy mô nhỏ, chúng có vai trò quan trọng đối với địa phương. Cần thiết phải thăm dò, quy hoạch khai thác hợp lý.

- Khoáng sản kim loại

+ Quặng sắt:

Trên diện tích tỉnh Điện Biên đã phát hiện và đăng ký 3 điểm quặng sắt: Chiêu Ly (Huổi Lèng, Mường Lay), Pa Ham – Phong Châu (xã Pa Ham, Mường Lay), Ten Hon (Tênh Phong, Tuần Giáo).

Các điểm quặng sắt nêu trên mới được phát hiện, khảo sát và điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Quặng sắt trong các điểm nêu trên là quặng lẫn, hoặc quặng gốc phong hóa, có thành phần là limonit, sản phẩm phong hóa các đá có chứa pyrit hoặc khoáng vật sắt. Hàm lượng sắt trong quặng khoảng 35-40%, ít khi có quặng giàu trên 50%; điểm Ten Hon có hàm lượng Fe từ 44 đến 57%.

Như vậy, diện tích tỉnh Điện Biên chỉ có quặng sắt nguồn gốc phong hóa, quy mô nhỏ. Các điểm khoáng sản nêu trên có thể tổ chức khai thác quy mô nhỏ phục vụ các nhu cầu của địa phương hoặc là dấu hiệu để tìm kiếm các thân quặng lớn hơn.

+ Quặng nhôm (bauxit)

Trên bản đồ khoáng sản đã đăng ký 3 điểm bauxit là Páo Tỷ Lèng, Nà Sảng (Tả Phìn, Tủa Chùa), Bản Tấu (Thanh Nua, Điện Biên).

Các điểm bauxit trong tỉnh đều có quy mô nhỏ, chất lượng kém, không đạt yêu cầu quặng nhôm, chỉ có thể sử dụng làm nguyên liệu sản xuất gạch chịu lửa hoặc phụ gia xi măng.

+ Quặng đồng

Quặng đồng ở Điện Biên có mức độ phổ biến hạn chế, hiện tại mới phát hiện 3 điểm biểu hiện khoáng sản là điểm Nậm Nèm (Hừa Ngải, Mường Lay), Nậm He - Huổi Sáy (Mường Tùng, Mường Lay) và Bo Keo (Pắc Nậm, Điện Biên Đông).

Điểm đồng Nậm Nèm mới được phát hiện và phổ tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Quặng là mạch thạch anh chứa chalcopyrit phân bố trong các đới dập vỡ, cà nát trong đá biến chất hệ tầng Nậm Cô. Mới phát hiện 2 đới khoáng hóa, trong mỗi đới có 3-4 mạch thạch anh nhỏ chứa đồng, hàm lượng Cu trong quặng 0,3-0,9%. Triển vọng hạn chế.

Điểm đồng Nậm He - Huổi Sáy nằm trên địa phận xã Mường Tùng, huyện Mường Lay. Quặng dạng mạch hoặc đới vi mạch, đới biến đổi chứa chalcopyrit phân bố trên các khu Nậm Piền, Huổi Sáy, Đán Đanh. Các thân quặng có kích thước khác nhau, chiều dài từ vài chục mét đến hàng trăm mét, chiều dày từ 1 m đến 6-7m. Hàm lượng Cu trong quặng thay đổi trong khoảng rộng từ nhỏ hơn 0,5% đến hàng chục phần trăm, trong một số mẫu phát hiện có vàng tới 1-2g/t. Hiện nay Liên đoàn Địa chất Tây Bắc đang tiến hành tìm kiếm đánh giá.

Điểm đồng Bo Keo nằm trên địa phận xã Pắc Nậm, huyện Điện Biên Đông. Quặng nằm trong đá phiến lục của hệ tầng Sông Mã. Chiều dài các thân có thể tới 500m, hàm lượng đồng 0,8%. Có thể điều tra làm rõ triển vọng.

+ Quặng chì - kẽm

Trong phạm vi tỉnh Điện Biên đã phát hiện 2 đới quặng hóa chì - kẽm đáng chú ý là Hán Chờ - Nà Tông - Xá Nhè và Sín Chải, trong đó đới Sín Chải gồm cả quặng barit.

Đới quặng chì - kẽm - barit Sín Chải nằm ở phía đông Bắc tỉnh, trên diện tích xã Sín Chải, huyện Tủa Chùa. Ở đây đã phát hiện các điểm khoáng sản: chì - kẽm Cánh Tỷ, barit Sáng Tổng, trong đó điểm chì - kẽm Cánh Tỷ phân bố ở dạng tập hợp mạch trong đới dập vỡ phương á kinh tuyến. Điểm mới được phát hiện, cần được điều tra, đánh giá tổng thể cả đới quặng chì - kẽm và barit.

Các điểm khoáng sản chì - kẽm Hán Chờ, Nà Tông, Xá Nhè nằm trong đới quặng cùng tên phân bố ở xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa và xã Mùn Chung huyện Tuần Giáo. Quặng chì - kẽm và chì - kẽm - barit phân bố trong đá vôi hệ tầng Bản Páp. Các đới quặng có chiều dài tới 1-2 km. Các thân quặng trong đới dạng mạch, dạng

thấu kính, hàm lượng rất khác nhau, có nơi tới hàng chục phần trăm nhưng chủ yếu khoảng 4-5% Pb+Zn. Đây là đới quặng có triển vọng, cần điều tra, đánh giá trên toàn diện tích đới để xác định các diện tích có quặng đạt yêu cầu công nghiệp.

Ngoài 2 đới quặng nêu trên, trong phạm vi Điện Biên còn gặp một số điểm khoáng sản chì kẽm khác như Xá Phình (Huổi Lèng, Mường Chà), Na Phát (Na Son, Điện Biên Đông), Tà Lệnh (Noọng Bua, Điện Biên Đông), trong đó điểm chì - kẽm Tà Lệnh rất đáng chú ý: đã phát hiện 3 đới hóa kéo dài hàng trăm mét, rộng 0,6-3,0 m, hàm lượng chì + kẽm có có mẫu đạt hàng chục phần trăm. Các điểm khoáng sản khác mới được phát hiện, cần điều tra thêm.

+ Vàng

Quặng vàng trên diện tích Điện Biên khá phổ biến. Cho đến nay đã ghi nhận được 5 điểm khoáng sản vàng: Púng Dắt (Mường Mươn, Mường Trà), Huổi Hái (Lay Nưa, Mường Lay), Thanh Hưng (Thanh Hưng, Điện Biên), Na Sản, Mường Luân (Mường Luân, Điện Biên).

Hầu hết các điểm khoáng sản vàng đã biết đều thuộc kiểu mạch thạch anh chứa vàng. Đặc điểm chung của quặng hóa là các mạch thạch anh chứa vàng thường có dạng mạch ngắn hoặc thấu kính, phân bố kế tiếp nhau trong đới dập vỡ khe nứt của đứt gãy. Khoáng vật đi kèm thường là chalcopyrit, pyrit. Hàm lượng vàng trong các mạch đã biết thường nghèo, phổ biến nhỏ hơn 1g/t, trong một số mạch có mẫu tới 1-2 g/t, đôi nơi 3-4g/t.

Nhìn chung quặng hóa vàng ở Điện Biên chưa được nghiên cứu đầy đủ, trong thời gian tới cần điều tra thêm để làm rõ triển vọng vàng ở vùng Mường Luân và các khu vực có cấu trúc thuận lợi tìm kiếm quặng vàng ẩn sâu.

- Khoáng chất công nghiệp

Khoáng sản khoáng chất công nghiệp trên diện tích tỉnh Điện Biên gồm có: pyrit, barit, talc và kaolin, trong đó đáng chú ý hơn cả là barit và talc.

+ Quặng barit:

Như đã trình bày trong phần chì - kẽm, quặng barit ở Điện Biên gặp ở vùng Sín Chải, Tủa Chùa và Mùn Chung, Tuần Giáo.

Điểm barit Háng Là và Sáng Tổng nằm ở xã Sín Chải, huyện Tủa Chùa. Tại đây đã gặp quặng barit lẫn và gốc. Các mạch quặng gốc có chiều dài vài trăm mét, dày 0,4-0,7 đến 4m. Thành phần khoáng vật ngoài barit còn gặp galenit, sphalerit. Hàm lượng BaSO₄ từ 40 đến 90%, Pb+Zn thường dưới 1%.

Các điểm khoáng sản barit trong vùng mới được phát hiện và điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Cần đánh giá làm rõ triển vọng.

+ Talc

Quặng talc trong phạm vi tỉnh Điện Biên được biết ở Pắc Nậm.

Điểm talc Pắc Nậm nằm trên diện tích xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông. Talc trong điểm Pắc nậm là sản phẩm biến đổi của đá phiến lục, đá siêu mafic và mafic. Hàm lượng talc trong đá có nơi tới 60% nhưng phân bố không đều. Hiện tại điểm mới được phát hiện và điều tra trong lập bản đồ tỷ lệ 1:50.000, cần điều tra làm rõ triển vọng cả đới talc dọc theo đứt gãy Sông Mã.

+ *Kaolin*

Trong phạm vi tỉnh Điện Biên mới phát hiện 1 mỏ kaolin là mỏ kaolin Huội Phạ.

Kaolin Huội Phạ (Thanh Minh, Điện Biên) là sản phẩm phong hóa của đá granit sáng màu phức hệ Sông Mã. Thân kaolin có chiều dài khoảng 500m, rộng 25-70m, dày 1,5-9m. Độ thu hồi qua rây 0,1mm đạt 33%, hàm lượng Al_2O_3 : 25-28%, SiO_2 : 51-68%, TiO_2 và Fe_2O_3 trong quặng khá cao (1,47 và 1,35%). Mỏ đã được Đoàn Địa chất 16 thăm dò, xác định tổng trữ lượng và tài nguyên cấp 122 + 333 = 52.000 tấn (cấp C1+C2 cũ), chất lượng kaolin thích hợp cho sản xuất gạch men và sứ chất lượng thấp. Có thể khai thác sử dụng khi có nhu cầu.

+ *Đá hoa trắng:*

Đá vôi trắng ở Điện Biên mới biết 1 điểm là Ka La Vô (xã Hứa Ngải, huyện Mường Lay). Đá vôi thuộc hệ tầng Bản Páp tuổi Devon. Đá có màu trắng, phân lớp dày kéo dài theo phương bắc nam khoảng 3-4km, dày 100-150m. Thành phần SiO_2 : 0,1 - 0,14%, Al_2O_3 : 0,02 - 0,04%, Fe_2O_3 : 0,02 - 0,03%, CaO : 55,34 - 55,62%, MgO : 0,07 - 0,13%, K_2O : 0,01%, Na_2O : 0,01%, $CaCO_3$: 87 - 88%. Hiện tại nhân dân đang khai thác quy mô nhỏ. Cần điều tra làm rõ quy mô, chất lượng và quy hoạch khai thác hợp lý.

- **Khoáng sản vật liệu xây dựng**

+ *Đá vôi xi măng*

Trong phạm vi Điện Biên đá vôi xi măng rất phổ biến, hiện nay đã đăng ký mỏ Tây Trang và 2 điểm khoáng sản là Pú Nhung và Trung Thu.

Mỏ đá vôi xi măng Tây Trang nằm trên lãnh thổ xã Na Ú, huyện Điện Biên. Mỏ gồm 3 khối núi đá vôi kéo dài theo phương vĩ tuyến tới 1200m, rộng 600-700m. Hàm lượng CaO trên 54%, MgO thấp hơn 2,5%. Mỏ đã được Liên đoàn Địa chất Xạ Hiếm điều tra, đánh giá, xác định trữ lượng và tài nguyên cấp 122+333 trên 12 triệu tấn (thuộc loại mỏ nhỏ). Hiện nay mỏ đang được khai thác làm vật liệu xây dựng và nguyên liệu xi măng lò đứng. Trong vùng còn một số khối đá vôi khác tương tự, nên thăm dò và quy hoạch khai thác hợp lý.

Các điểm đá vôi Pú Nhung (xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo) và Trung Thu (xã Trung Thu, Huyện Tủa Chùa) mới được phát hiện và điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Theo tài liệu hiện có, đá vôi ở các điểm này có quy mô lớn và chất

lượng đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất xi măng, một số mẫu cho thấy có thể thích hợp cho đá vôi nguyên liệu hóa chất. Cần đánh giá, thăm dò để quy hoạch khai thác, sử dụng khi có nhu cầu.

+ *Sét xi măng*

Cũng như đá vôi xi măng, đá sét xi măng ở Điện Biên có tiềm năng rất lớn. Trên bản đồ khoáng sản tỉnh đã đăng ký 1 mỏ Na Hai và các điểm khoáng sản: Pe Luông, Bản Kéo, Na Lô, Chiềng Đông.

Mỏ Na Hai (xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên) đã được Liên đoàn Địa chất Xa thăm đánh giá, tính trữ lượng cấp C1 và C2 đạt 4,8 triệu tấn.

Các điểm Pe Luông (Thanh Luông, Điện Biên), Bản Kéo, Na Lô (Thanh Nưa, Điện Biên), Chiềng Đông (Noong Luông, Điện Biên) mới được phát hiện, đăng ký trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000.

Ngoài những mỏ và điểm khoáng sản đã nêu còn nhiều nơi khác có sét xi măng. Hầu hết sản phẩm phong hóa các loại đá phiến sét, sét sericit, sét vôi đều có thể sử dụng làm sét xi măng.

+ *Sét gạch ngói*

Sét gạch ngói khá phổ biến ở Điện Biên nhưng mức độ đầu tư tìm kiếm, thăm dò còn hạn chế. Trên bản đồ khoáng sản đã đăng ký các mỏ và điểm khoáng sản sau đây: Cò Nôm (Noong Luông, Điện Biên), Mường Pôn, Bản Sái (Mường Pôn, Điện Biên), Quái Tở (Quái Tở, Tuần Giáo), Bản Vếng (Chiềng Sinh, Tuần Giáo), Bản Can (Quái Cang, Tuần Giáo). Chỉ có mỏ Cò Nôm được Đoàn Địa chất 6 thăm dò, tính trữ lượng; các điểm khác mới được điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Hầu hết sét gạch ngói trên diện tích tỉnh đều có nguồn gốc trầm tích, nằm trong các đồng bằng đất nông nghiệp.

Ngoài các mỏ đã trình bày, sét gạch ngói còn có ở nhiều nơi khác. Tuy nhiên, hầu hết các diện tích có sét chất lượng cao đều nằm trong các vùng trồng lúa quan trọng, không thể khai thác. Cần phát hiện các diện tích có sét phong hóa, ít bị ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp để chuẩn bị nguyên liệu cho các nhà máy gạch trong tương lai gần.

+ *Cát, cuội sỏi*

Cát, cuội sỏi xây dựng ở Điện Biên khá phổ biến. Tuy nhiên, quy mô các mỏ riêng biệt thường thuộc loại nhỏ, chỉ thích hợp cho khai thác thủ công. Hiện tại trên bản đồ khoáng sản tỉnh đã đăng ký các mỏ: Bản Xá (phường Sông Đà, thị xã Lai Châu), Bản Búng (xã Búng Lao, Tuần Giáo), Noọng Nhai (Na Son, Điện Biên Đông), Mường Thanh (thị xã Điện Biên). Tất cả các mỏ cát cuội sỏi đã đăng ký đều có nguồn gốc sông.

Ngoài các điểm đã đăng ký còn nhiều nơi khác có cát, cuội sỏi có chất lượng tốt đáp ứng yêu cầu xây dựng, đang được nhân dân địa phương khai thác.

+ *Đá ốp lát*

Trên diện tích Điện Biên đã đăng ký 2 điểm đá ốp lát: Quyết Tiến (xã Búng Lao, huyện Tuần Giáo) và Tả Thình Sàng (xã Tả Phìn, huyện Tủa Chùa). Cả 2 điểm đều mới được phát hiện và nghiên cứu sơ bộ trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000, cần được điều tra, đánh giá làm rõ triển vọng khi có nhu cầu.

+ *Đá xây dựng*

Đá xây dựng ở Điện Biên rất phong phú, hiện nay đã đăng ký các mỏ: Đá vôi xây dựng Sa Lông (xã Huổi Lènh, huyện Mường Lay), Nà Pheo 2 (xã Mường Mươn, Mường Lay), Minh Thắng (xã Quải Nưa, Tuần Giáo), Mường Ảng (xã Ảng Cang, Tuần Giáo), Cát kết Phí Linh (xã Si Pa Phìn, Mường Lay), quazit Nà Tòng (xã Mùn Chung, Tuần Giáo), đá granit Na Nhạn. Ngoài các điểm đã đăng ký còn nhiều nơi khác có đá xây dựng đang được UBND tỉnh cho phép khai thác.

- *Nước khoáng - nước nóng*

Đã ghi nhận được 6 nguồn nước khoáng - nước nóng trong phạm vi tỉnh Điện Biên: Mường Luân, Pá Bạt (xã Mường Luân, Điện Biên), Nậm Nưa, Cum Cua, Pa Thơm, Léch Phay (Pa Thơm, Điện Biên), Pe Luông (Thanh Luông, Điện Biên), Đông Phí Linh, Tây Nậm Chim (Si Pa Phìn, Mường Lay), Tà Pao (Mường Mùn, Tuần Giáo), Cò Đưa (Mường Mươn, Mường Lay), Nậm Ty (Mường Pồn, Điện Biên), Bản Cừm (Quải Cang, Tuần Giáo). Trong số các nguồn nước có nguồn Mường Luân, có nhiệt độ cao, đạt 67°C, nguồn Pá Bạt 62°C, nguồn Nậm Nưa 76°C, nguồn Pa Thơm 65°C thuộc loại nước rất nóng; các nguồn khác thuộc loại nóng vừa.

Tài nguyên nước nóng và nước khoáng ở Điện Biên tương đối phong phú và có giá trị sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau, vì vậy cần có quy hoạch thăm dò và khai thác hợp lý.

3. Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản đã và đang thực hiện

Năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên đã có Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn đến năm 2015, có xét đến năm 2020. Theo đó, có các định hướng quy hoạch và các mục tiêu như sau.

- Về định hướng quy hoạch

+ Khuyến khích và đẩy mạnh khai thác tận thu tối đa các loại khoáng sản thuộc vùng ngập lòng hồ thủy điện Sơn La.

+ Tăng cường đầu tư đổi mới đồng bộ công nghệ, thiết bị nhằm nâng cao dần mức cơ giới hóa, trình độ công nghệ và quy mô khai thác, chế biến phù hợp với từng đối tượng khoáng sản.

+ Mở rộng thị trường nguyên liệu khoáng theo hướng cung cấp cho các hộ tiêu thụ (nhà máy chế biến sâu) ở các tỉnh lân cận và trong nước như than, quặng và tinh quặng kim loại (chì kẽm, đồng).

+ Nâng cao tính tập trung công nghiệp tạo điều kiện hình thành một số vùng khai thác, chế biến khoáng sản có mật độ hoạt động cao, giá thành hạ.

+ Khai thác tận thu các điểm khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mới phát hiện và phát hiện trong quá trình thi công xây dựng các công trình nhằm giảm giá thành sản phẩm khai thác phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

-Mục tiêu quy hoạch.

+ Mục tiêu phát triển tổng quát: Phát triển bền vững ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, đáp ứng tối đa nhu cầu về nguyên liệu khoáng cho phát triển kinh tế và tạo ra sản phẩm chế biến xuất khẩu ra ngoại tỉnh.

+ Mục tiêu cụ thể:

Bảng *Error! No text of specified style in document.-1*: Bảng thống kê mục tiêu cụ thể của các loại tài nguyên

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Đến năm 2015	Đến năm 2020
1	Than sạch	1000 tấn	22	28
2	Quặng sắt hợp cách xuất khẩu	1000 tấn	25	20
3	Quặng, tinh quặng chì kẽm và sản phẩm chế biến sâu	1000 tấn	20	30
4	Quặng, tinh quặng đồng	1000 tấn	8	8
5	Nước khoáng đóng chai	Triệu lít	15	20
6	Đá vôi xi măng	1000 tấn	390	390
7	Sét xi măng	1000 tấn	100	100
8	Đá xây dựng thông thường	1.000 m ³	460	640
9	Cát, cuội, sỏi	1.000 m ³	140	160

Tuy mục tiêu quy hoạch là cụ thể, chi tiết và rõ ràng nhưng việc triển khai thực hiện quy hoạch chỉ đạt được mục tiêu đối với khoáng sản làm vật liệu xây

dựng; đối với khoáng sản kim loại và nước khoáng, nước nóng không thể đạt mục tiêu. Cụ thể như sau:

1. Khoáng sản kim loại và nước khoáng nước nóng.

Cho đến năm 2020, việc khai thác chế biến các loại khoáng sản như đồng, chì kẽm và nước khoáng nước nóng không đạt mục tiêu quy hoạch. Nguyên nhân của việc không đạt mục tiêu đối với các loại khoáng sản này như sau:

- Thứ nhất: Số liệu đưa vào quy hoạch chưa chính xác cụ thể: tiềm năng tài nguyên quặng sắt, quặng đồng và chì kẽm đều mới được đầu tư tìm kiếm, đánh giá sơ bộ chưa được thăm dò. Trong đó, đặc biệt các điểm quặng sắt trên địa bàn tỉnh đều có quy mô nhỏ, chất lượng kém khó chế biến thành quặng hợp cách xuất khẩu. Các khu mỏ quặng đồng và quặng chì kẽm đều thuộc qui mô không lớn, điều kiện khai thác khó khăn.

Ví dụ: đối với quặng đồng khi dự báo tài nguyên là 179.000 tấn đồng kim loại (năm 2006), nhưng thăm dò trữ lượng giảm, đến năm 2013 toàn mới thăm dò xong khu mỏ đồng Nậm He – Huổi Sáy, trữ lượng xác định được 6.198 tấn đồng kim loại. Do vậy, không thể đáp ứng mục tiêu qui hoạch 8000 tấn/năm.

- Thứ hai: Các khu qui hoạch đa số không có tọa độ điểm góc, chỉ có tọa độ trung tâm, nên triển khai gặp nhiều bất cập.

- Đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên tuy đã phát hiện nhiều nguồn, nhưng mức độ tin cậy còn thấp, nhu cầu sử dụng chưa nhiều. Do vậy, cũng không thể đạt mục tiêu.

2. Đối với các loại khoáng sản còn lại.

Cơ bản đạt và vượt mục tiêu quy hoạch. Do các nguyên nhân sau

- Do nhu cầu vật liệu xây dựng trong những năm gần đây tăng cao;
- Quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý các cấp;
- UBND tỉnh có các quyết định kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho khâu cấp phép thăm dò khai thác. Cụ thể

UBND tỉnh Điện Biên có Quyết định phê duyệt 21 khu vực đá xây dựng thuộc diện không đấu giá quyền khai thác khoáng sản, tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên.

(Chi tiết xem bảng số 2.1.3, phần II)

PHẦN II. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỜI KỲ 2021-2030

1. Phân vùng khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên.

1.1. Tổng quan về tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Mức độ nhà nước đầu tư đánh giá, thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên còn thấp. Hiện nay, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tiến hành đánh giá tổng thể tiềm năng các loại khoáng sản vùng Tây Bắc trong đó có tỉnh Điện Biên. Các khoáng sản đã được phát hiện trên địa bàn tỉnh chủ yếu gồm:

Than đá.

Có ở Thanh An và Nà Sáng, các mỏ này đã được tìm kiếm tỷ mỷ. Mỏ Thanh An trữ lượng khoảng 1,5 triệu tấn (cấp C2, P1), một số ít có thể dùng để luyện than cốc. Mỏ Nà Sáng có trữ lượng nhỏ, khoảng 0,3 triệu tấn (cấp C2, P1). Ngoài ra còn 13 điểm khoáng sản than. Than trên diện tích tỉnh nằm trong trầm tích hệ tầng Suối Bàng, hầu hết có quy mô nhỏ, chất lượng thấp, chỉ thích hợp cho khai thác, sử dụng phục vụ nhu cầu địa phương. Mỏ than Thanh An (xã Thanh An, huyện Điện Biên) đang được khai thác quy mô nhỏ. Một số điểm than đã được tìm kiếm đánh giá (Ta Lé, Tia Ló, Huổi Mưa, Pa Sa, Huổi Xa, Tinh Đan, Huổi Khao). Tuy than ở Điện Biên có quy mô nhỏ, chúng có vai trò quan trọng đối với địa phương. Cần thiết phải thăm dò, quy hoạch khai thác hợp lý.

Quặng sắt,

Trên diện tích tỉnh Điện Biên đã phát hiện và đăng ký 3 điểm quặng sắt: Chiêu Ly (Huổi Lèng, Mường Lay), Pa Ham – Phong Châu (xã Pa Ham, Mường Lay), Ten Hon (Tênh Phong, Tuần Giáo).

Các điểm quặng sắt nêu trên mới được phát hiện, khảo sát và điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Quặng sắt trong các điểm nêu trên là quặng lẫn, hoặc quặng gốc phong hóa, có thành phần là limonit, sản phẩm phong hóa các đá có chứa pyrit hoặc khoáng vật sắt. Hàm lượng sắt trong quặng khoảng 35-40%, ít khi có quặng giàu trên 50%; điểm Ten Hon có hàm lượng Fe từ 44 đến 57%.

Như vậy, diện tích tỉnh Điện Biên chỉ có quặng sắt nguồn gốc phong hóa, quy mô nhỏ.

Quặng nhôm (bauxit).

Trên bản đồ khoáng sản đã đăng ký 3 điểm bauxit là Páo Tỷ Lèng, Nà Sảng (Tả Phìn, Tủa Chùa), Bản Tàu (Thanh Nua, Điện Biên).

Các điểm bauxit trong tỉnh đều có quy mô nhỏ, chất lượng kém, không đạt yêu cầu quặng nhôm, chỉ có thể sử dụng làm nguyên liệu sản xuất gạch chịu lửa hoặc phụ gia xi măng.

Quặng đồng.

Quặng đồng ở Điện Biên có mức độ phổ biến hạn chế, hiện tại mới phát hiện 3 điểm biểu hiện khoáng sản là điểm Nậm Nèm (Hừa Ngải, Mường Lay), Nậm He - Huổi Sáy (Mường Tùng, Mường Lay) và Bo Keo (Pắc Nậm, Điện Biên Đông).

Điểm đồng Nậm Nèm. mới được phát hiện và phổ tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Quặng là mạch thạch anh chứa chalcopyrit phân bố trong các đới dập vỡ, cà nát trong đá biến chất hệ tầng Nậm Cô. Mới phát hiện 2 đới khoáng hóa, trong mỗi đới có 3-4 mạch thạch anh nhỏ chứa đồng, hàm lượng Cu trong quặng 0,3-0,9%. Triển vọng hạn chế.

Điểm đồng Nậm He - Huổi Sáy. nằm trên địa phận xã Mường Tùng, huyện Mường Lay. Quặng dạng mạch hoặc đới vi mạch, đới biến đổi chứa chalcopyrit phân bố trên các khu Nậm Piền, Huổi Sáy, Đán Đanh. Các thân quặng có kích thước khác nhau, chiều dài từ vài chục mét đến hàng trăm mét, chiều dày từ 1 m đến 6-7m. Hàm lượng Cu trong quặng thay đổi trong khoảng rộng từ nhỏ hơn 0,5% đến hàng chục phần trăm, trong một số mẫu phát hiện có vàng tới 1-2g/t. Hiện nay Liên đoàn Địa chất Tây Bắc đã tiến hành tìm kiếm đánh giá, xác định tài nguyên cấp 333+ 334a là 179 ngàn tấn đồng kim loại .

Điểm đồng Bo Keo. nằm trên địa phận xã Pắc Nậm, huyện Điện Biên Đông. Quặng nằm trong đá phiến lục của hệ tầng Sông Mã. Chiều dài các thân có thể tới 500m, hàm lượng đồng 0,8%. Nhưng mức độ điều tra sơ lược nên tài nguyên chưa rõ.

Quặng chì kẽm

Trong phạm vi tỉnh Điện Biên đã phát hiện 2 đới quặng hóa chì - kẽm đáng chú ý là Hán Chờ - Nà Tông – Xá Nhè và Sín Chải, trong đó đới Sín Chải gồm cả quặng barit.

Đới quặng chì - kẽm - barit Sín Chải nằm ở phía đông Bắc tỉnh, trên diện tích xã Sín Chải, huyện Tủa Chùa. Ở đây đã phát hiện các điểm khoáng sản: chì - kẽm Cánh Tỷ, barit Sáng Tổng, trong đó điểm chì - kẽm Cánh Tỷ phân bố ở dạng tập hợp mạch trong đới dập vỡ phương á kinh tuyến. Điểm mới được phát hiện, cần được điều tra, đánh giá tổng thể cả đới quặng chì kẽm và barit.

Các điểm khoáng sản chì - kẽm Hán Chờ, Nà Tông, Xá Nhè nằm trong đới quặng cùng tên phân bố ở xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa và xã Mùn Chung huyện

Tuần Giáo. Quặng chì - kẽm và chì - kẽm – brarit phân bố trong đá vôi hệ tầng Bản Páp. Các đới quặng có chiều dài tới 1-2 km. Các thân quặng trong đới dạng mạch, dạng thấu kính, hàm lượng rất khác nhau, có nơi tới hàng chục phần trăm nhưng chủ yếu khoảng 4-5% Pb+Zn. Đây là đới quặng có triển vọng, tuy quy mô không lớn.

Ngoài 2 đới quặng nêu trên, trong phạm vi Điện Biên còn gặp một số điểm khoáng sản chì kẽm khác như Xá Phình (Huổi Lèng, Mường Lay), Na Phát (Na Son, Điện Biên Đông), Tà Lènh (Noọng Bua, Điện Biên Đông), trong đó điểm chì - kẽm Tà Lènh rất đáng chú ý: đã phát hiện 3 đới quặng hóa kéo dài hàng trăm mét, rộng 0,6-3,0 m, hàm lượng chì + kẽm có có mẫu đạt công nghiệp, cần điều tra thêm.

Vàng

Quặng vàng trên diện tích Điện Biên khá phổ biến. Cho đến nay, kết quả điều tra đánh giá do nhà nước đầu tư đã ghi nhận được 5 điểm khoáng sản vàng: Púng Dắt (Mường Mươn, Mường Trà), Huổi Hái (Lay Nua, Mường Lay), Thanh Hưng (Thanh Hưng, Điện Biên), Na Sản, Mường Luân (Mường Luân, Điện Biên).

Hầu hết các điểm khoáng sản vàng đã biết đều thuộc kiểu mạch thạch anh chứa vàng. Đặc điểm chung của quặng hóa là các mạch thạch anh chứa vàng thường có dạng mạch ngắn hoặc thấu kính, phân bố kế tiếp nhau trong đới dập vỡ khe nứt của đứt gãy. Khoáng vật đi kèm thường là chalcopirit, pyrit. Hàm lượng vàng trong các mạch đã biết thường nghèo, phổ biến nhỏ hơn 1g/t, trong một số mạch có mẫu tới 1-2 g/t, đôi nơi 3-4g/t.

Nhìn chung quặng hóa vàng ở Điện Biên chưa được nghiên cứu đầy đủ, hiện nay nhà nước đang đầu tư đánh giá để làm rõ triển vọng vàng ở vùng Mường Luân nói riêng toàn tỉnh Điện Biên nói chung.

Quặng barit

Như đã trình bày trong phần chì - kẽm, quặng barit ở Điện Biên gặp ở vùng Sín Chải, Tủa Chùa và Mùn Chung, Tuần Giáo.

Điểm barit Háng Là và Sáng Tổng nằm ở xã Sín Chải, huyện Tủa Chùa. Tại đây đã gặp quặng barit lẫn và gốc. Các mạch quặng gốc có chiều dài vài trăm mét, dày 0,4-0,7 đến 4m. Thành phần khoáng vật ngoài barit còn gặp galenit, sphalerit. Hàm lượng BaSO₄ từ 40 đến 90%, Pb+Zn thường dưới 1%.

Các điểm khoáng sản barit trong vùng mới được phát hiện và điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Cần đánh giá làm rõ triển vọng.

Talc

Quặng talc trong phạm vi tỉnh Điện Biên được biết ở Pắc Nặm.

Điểm talc Pắc Nậm nằm trên diện tích xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông. Talc trong điểm Pắc nậm là sản phẩm biến đổi của đá phiến lục, đá siêu mafic và mafic. Hàm lượng talc trong đá có nơi tới 60% nhưng phân bố không đều. Hiện tại điểm mới được phát hiện và điều tra trong lập bản đồ tỷ lệ 1:50.000, cần điều tra làm rõ triển vọng cả đới talc dọc theo đứt gãy Sông Mã.

Kaolin

Trong phạm vi tỉnh Điện Biên mới phát hiện 1 mỏ kaolin là mỏ kaolin Huội Phạ.

Kaolin Huội Phạ (Thanh Minh, Điện Biên) là sản phẩm phong hóa của đá granit sáng màu phức hệ Sông Mã. Thân kaolin có chiều dài khoảng 500m, rộng 25-70m, dày 1,5-9m. Độ thu hồi qua rây 0,1mm đạt 33%, hàm lượng Al_2O_3 : 25-28%, SiO_2 : 51-68%, TiO_2 và Fe_2O_3 trong quặng khá cao (1,47 và 1,35%). Mỏ đã được Đoàn Địa chất 16 thăm dò, xác định trữ lượng cấp 122 + 333 là 52.000 tấn, chất lượng kaolin thích hợp cho sản xuất gạch men và sứ chất lượng thấp. Có thể khai thác quy mô nhỏ khi có nhu cầu sử dụng.

Đá hoa trắng

Đá vôi trắng ở Điện Biên mới biết 1 điểm là Ka La Vô (xã Hứa Ngải, huyện Mường Lay). Đá vôi thuộc hệ tầng Bản Páp tuổi Devon. Đá có màu trắng, phân lớp dày kéo dài theo phương bắc nam khoảng 3-4km, dày 100-150m. Thành phần SiO_2 : 0,1 - 0,14%, Al_2O_3 : 0,02 - 0,04%, Fe_2O_3 : 0,02 - 0,03%, CaO : 55,34 - 55,62%, MgO : 0,07 - 0,13%, K_2O : 0,01%, đá trắng: 87 - 88%.

Đá vôi xi măng

Trong phạm vi Điện Biên đá vôi xi măng rất phổ biến, hiện nay đã đăng ký mỏ Tây Chang và 2 điểm khoáng sản là Pú Nhung và Trung Thu.

Mỏ đá vôi xi măng Tây Trang nằm trên lãnh thổ xã Na U, huyện Điện Biên. Mỏ gồm 3 khối núi đá vôi kéo dài theo phương vĩ tuyến tới 1200m, rộng 600-700m. Hàm lượng CaO trên 54%, MgO thấp hơn 2,5%. Mỏ đã được Liên đoàn Địa chất Xạ Hiếm điều tra, đánh giá, xác định trữ lượng và tài nguyên cấp 122+333 trên 12 triệu tấn (thuộc loại mỏ nhỏ). Hiện nay mỏ đang được khai thác làm vật liệu xây dựng và nguyên liệu xi măng lò đứng. Trong vùng còn một số khối đá vôi khác tương tự, nên thăm dò và quy hoạch khai thác hợp lý.

Các điểm đá vôi Pú Nhung (xã Pú Nhung, huyện Tuần Giáo) và Trung Thu (xã Trung Thu, Huyện Tủa Chùa) mới được phát hiện và điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Theo tài liệu hiện có, đá vôi ở các điểm này có quy mô lớn và chất lượng đáp ứng yêu cầu làm nguyên liệu sản xuất xi măng, một số mẫu cho thấy có thể thích

hợp cho đá vôi nguyên liệu hóa chất. Cần đánh giá, thăm dò để quy hoạch khai thác, sử dụng khi có nhu cầu.

Sét xi măng

Cũng như đá vôi xi măng, đá sét xi măng ở Điện Biên có tiềm năng rất lớn. Trên bản đồ khoáng sản tỉnh đã đăng ký 1 mỏ Na Hai và các điểm khoáng sản: Pe Luông, Bản Kéo, Na Lô, Chiềng Đông.

Mỏ Na Hai (xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên) đã được Liên đoàn Địa chất Xa hiểm đánh giá, tính trữ lượng cấp 122 và tài nguyên cấp 333 đạt 4,8 triệu tấn.

Các điểm Pe Luông (Thanh Luông, Điện Biên), Bản Kéo, Na Lô (Thanh Nưa, Điện Biên), Chiềng Đông (Noong Luông, Điện Biên) mới được phát hiện, đăng ký trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000.

Ngoài những mỏ và điểm khoáng sản đã nêu còn nhiều nơi khác có sét xi măng. Hầu hết sản phẩm phong hóa các loại đá phiến sét, sét sericit, sét vôi đều có thể sử dụng làm sét xi măng.

Sét gạch ngói

Sét gạch ngói khá phổ biến ở Điện Biên nhưng mức độ đầu tư tìm kiếm, thăm dò còn hạn chế. Trên bản đồ khoáng sản đã đăng ký các mỏ và điểm khoáng sản sau đây: Cò Nôm (Noong Luông, Điện Biên), Mường Pồn, Bản Sái (Mường Pồn, Điện Biên), Quái Tở (Quái Tở, Tuần Giáo), Bản Vén (Chiềng Sinh, Tuần Giáo), Bản Can (Quái Cang, Tuần Giáo). Chỉ có mỏ Cò Nôm được Đoàn Địa chất 6 thăm dò, tính trữ lượng; các điểm khác mới được điều tra trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000. Hầu hết sét gạch ngói trên diện tích tỉnh đều có nguồn gốc trầm tích, nằm trong các đồng bằng đất nông nghiệp.

Ngoài các mỏ đã trình bày, sét gạch ngói còn có ở một số nơi khác. Tuy nhiên, hầu hết các diện tích có sét chất lượng cao đều nằm trong các vùng trồng lúa quan trọng, không thể khai thác. Có thể tìm kiếm sét phong hóa trên các khu vực địa hình đồi núi thấp, ít bị ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp để chuẩn bị nguyên liệu cho các nhà máy gạch trong tương lai gần.

Cát, cuội sỏi

Cát, cuội sỏi xây dựng ở Điện Biên khá phổ biến. Tuy nhiên, quy mô các mỏ riêng biệt thường thuộc loại nhỏ, chỉ thích hợp cho khai thác quy mô nhỏ. Hiện tại trên bản đồ khoáng sản tỉnh đã đăng ký các mỏ: Bản Xá (phường Sông Đà, thị xã Lai Châu), Bản Búng (xã Búng Lao, Tuần Giáo), Noọng Nhai (Na Son, Điện Biên Đông), Mường Thanh huyện Điện Biên). Tất cả các mỏ cát cuội sỏi đã quy hoạch đều có nguồn gốc sông.

Đá ốp lát

Trên diện tích Điện Biên, kết quả điều tra cơ bản địa chất của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản đã đăng ký 2 điểm đá ốp lát: Quyết Tiến (xã Búng Lao, huyện Tuần Giáo) và Tả Thình Sàng (xã Tả Phìn, huyện Tủa Chùa). Cả 2 điểm đều mới được phát hiện và nghiên cứu sơ bộ trong lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1:50.000, cần được điều tra, đánh giá làm rõ triển vọng khi có nhu cầu.

Đá xây dựng

Đá xây dựng ở Điện Biên rất phong phú, hiện nay đã đăng ký các mỏ: Đá vôi xây dựng Sa Long (xã Huổi Lènh, huyện Mường Lay), Nà Pheo 2 (xã Mường Mươn, Mường Lay), Minh Thắng (xã Quải Nưa, Tuần Giáo), Mường Ảng (xã Ảng Cang, Tuần Giáo), Cát kết Phí Linh (xã Si Pa Phìn, Mường Lay), quazit Nà Tòng (xã Mùn Chung, Tuần Giáo), đá granit Na Nhạn. Ngoài các điểm đã đăng ký còn nhiều nơi khác có đá xây dựng đang được UBND tỉnh cho phép khai thác.

Nước khoáng - nước nóng

Đã ghi nhận được 6 nguồn nước khoáng - nước nóng trong phạm vi tỉnh Điện Biên: Mường Luân, Pá Bạt (xã Mường Luân, Điện Biên), Nậm Nưa, Cum Cua, Pa Thơm, Léch Phay (Pa Thơm, Điện Biên), Pe Luông (Thanh Luông, Điện Biên), Đông Phí Linh, Tây Nậm Chim (Si Pa Phìn, Mường Lay), Tà Pao (Mường Mùn, Tuần Giáo), Cò Đưa (Mường Mươn, Mường Lay), Nậm Ty (Mường Pòn, Điện Biên), Bản Cườm (Quải Cang, Tuần Giáo). Trong số các nguồn nước có nguồn Mường Luân, có nhiệt độ cao, đạt 67oC, nguồn Pá Bạt 62oC, nguồn Nậm Nưa 76oC, nguồn Pa Thơm 65oC thuộc loại nước rất nóng; các nguồn khác thuộc loại nóng vừa.

Tài nguyên nước nóng và nước khoáng ở Điện Biên tương đối phong phú và có giá trị sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau, vì vậy hiện nay Bộ Công Thương đang lập quy hoạch thăm dò khai thác đối với các nguồn nước nóng nước khoáng.

1.2. Dự báo yếu tố tác động và nhu cầu sử dụng khoáng sản

Các yếu tố tác động.

Điện Biên là tỉnh miền núi Tây Bắc giao thông đi lại khó khăn, mức độ đầu tư điều tra cơ bản địa chất chưa cao, đặc biệt là đối với các khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường. Do vậy, khó khăn cho việc lập quy hoạch;

Trong giai đoạn 2021-2030, tỉnh Điện Biên là một trong các tỉnh cần đầu tư phát triển kinh tế nhanh, nên nhu cầu về khai thác, chế biến các loại khoáng sản đặc biệt là vật liệu xây dựng sẽ tăng cao.

Trong quy hoạch lần này đơn vị tư vấn đề xuất đưa vào quy hoạch thăm dò khai thác các đối tượng như sau:

- (1) Các khu vực được tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản đang có hiệu lực;
- (2) 33 khu vực có khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản “Ngày 10/9/2021 UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt 33 khu vực mỏ khoáng sản tại 09 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Theo đó, Khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên gồm: Các loại đất san lấp, cát xây dựng và đá xây dựng; Khu vực khoáng sản thuộc vành đai biên giới quốc gia, khu vực chiến lược về quốc phòng an ninh. Khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại khoản 2 Điều 64, điểm b khoản 1 Điều 65 Luật khoáng sản”.
- (3) Các điểm khoáng sản than đá, bauxit đã được nhà nước đầu tư đánh giá nhưng quy mô nhỏ đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi Trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ, bàn giao cho tỉnh quản lý quy hoạch cấp phép khai thác.
- (4) Các khu vực có tầng cát có khả năng làm cát nhân tạo thuộc các tầng đá trầm tích lục nguyên có thành phần cuội kết, cát kết. Tuy nhiên, loại khoáng sản này mức độ đầu tư điều tra còn thấp cần phải có điều tra đánh giá chi tiết trước khi khoanh định quy hoạch.

Dự báo nhu cầu. Căn cứ vào tiềm năng các loại khoáng sản đã biết trên địa bàn tỉnh; căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế và kế thừa mục tiêu Quy hoạch thăm dò khai thác chế biến và sử dụng khoáng sản kỳ trước. Dự báo nhu cầu một số loại khoáng sản đến năm 2030 như bảng sau:

Bảng Error! No text of specified style in document.-1: Bảng thống kê dự báo nhu cầu một số loại khoáng sản đến năm 2030

STT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Than sạch	1000 tấn	20	20
2	Đá vôi xi măng	1000 tấn	390	390
3	Sét xi măng	1000 tấn	100	100
4	Đá xây dựng thông thường	1.000 m ³	900	1200
5	Cát, cuội, sỏi	1.000 m ³	200	250

6	Quặng, tinh quặng chì kẽm và sản phẩm chế biến sâu	1000 tấn	10	10
8	Quặng, tinh quặng đồng	1000 tấn	2	2
9	Vàng	Kg	200	200
10	Nước khoáng đóng chai	Triệu lít	20	20

Ngoài ra, xét về tiềm năng khoáng sản trên địa bàn, để đảm bảo tăng nguồn thu từ khoáng sản, tỉnh cần đề nghị các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng tăng cường đầu tư đánh giá đầy đủ 03 loại khoáng sản sau: 1- đá hoa trắng; 2- Quặng vàng; 3- Nước khoáng nước nóng và đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến sử dụng trong giai đoạn 2021- 2030.

2. Phương án chi tiết bảo vệ, khai thác và sử dụng tài nguyên

2.1. Khoanh vùng chi tiết khu vực tài nguyên

1.1.1. Than đá (than biến chất trung bình)

Các khu vực có than trên địa bàn tỉnh Điện Biên, trừ điểm than Thanh An, còn lại đều có tiềm năng nhỏ, lẻ nằm phân tán (nhỏ hơn 500 ngàn tấn). Về chất lượng thuộc loại than có chất lượng trung bình đến thấp. Về mức độ biến chất than thuộc loại biến chất trung bình, nên về phân loại than Việt Nam có thể gọi là “Than đá” (tương ứng than Bitum theo phân loại quốc tế). Do qui mô nhỏ, nằm phân tán, giao thông không thuận lợi nên chỉ có thể khai thác qui mô nhỏ, phục vụ công nghiệp địa phương. Quy hoạch lần này đơn vị tư vấn đề xuất đưa các điểm than vào quy hoạch nhỏ lẻ, trong đó có điểm than Thanh An, xã Thanh An huyện Điện Biên đã được Bộ Công nghiệp cho phép Công ty Than Lai Châu (nay là Công ty TNHH khoáng sản Điện Biên) khai thác tại Quyết định số 970/QĐ-QLTN, ngày 08/4/1996. (Hiện nay đang thực hiện đóng cửa mỏ với Bộ Tài nguyên và Môi trường). Tổng số điểm than đưa vào quy hoạch tỉnh 06 điểm, trong đó có 5 điểm thuộc quy mô phân tán nhỏ lẻ và mỏ Thanh An đã đang được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đóng cửa mỏ.(chi tiết tên mỏ vị trí, vị trí điểm góc được thể hiện ở bảng số 1)

Bảng Error! No text of specified style in document.-1: Các khu vực quy hoạch than đá nhỏ lẻ

stt	Tên điểm góc	Tên mỏ, vị trí	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Loại khoáng sản	Ký hiệu trên bản đồ	Diện tích
			X(m)	Y(m)			
1	1	Bản Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông.	2360969	508533	Than	nl-3	66.925
	2		2361083	508831			
	3		2361000	509064			
	4		2360466	509303			
	5		2360340	509245			
	6		2359521	508995			
	7		2359735	508622			
	8		2360120	508978			
	9		2360670	508810			
	10		2360562	508502			
2	1	Tà Té, xã Noong U huyện Điện Biên Đông	2359395	507845	Than	nl-4	50
	2		2359400	508387			
	3		2359079	508745			
	4		2358472	508778			
	5		2358787	508209			
	6		2358066	508090			
	7		2358058	507605			
3	1	than Tây Nam, xã Thanh An, huyện Điện Biên	2359355	506032	Than	nl-5	9.78
	2		2359822	506157			
	3		2359747	506362			
	4		2359325	506238			
4	1	Tin Lán xã Núa Ngam,	2351049	510389	Than	nl-6	34.2
	2		2350915	510485			

stt	Tên điểm góc	Tên mỏ, vị trí	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Loại khoáng sản	Ký hiệu trên bản đồ	Diện tích
			X(m)	Y(m)			
	3	huyện Điện Biên	2349746	508705			
	4		2349870	508612			
5	1	Na Sang 2, xã Núa Ngam, huyện Điện Biên	2354524	509645	Than	nl-7	40
	2		2354078	510257			
	3		2354614	510817			
	4		2354449	510977			
	5		2353746	510262			
	6		2354324	509571			
6	1	xã Thanh An, huyện Điện Biên	2359963	506507.2	than Thanh An	nl-11	52.7
	2		2360296	507522.9			
	3		2360701	507907.7			
	4		2360707	508387.5			
	5		2360477	508390.5			
	6		2359706	506680.5			

1.1.2. Đá xây dựng

Đá xây dựng trong giai đoạn 2021 đến 2030 trên địa bàn tỉnh được quy hoạch chi tiết các đối tượng như sau:

(1) Quy hoạch các khu vực đang hoạt động khai thác đá xây dựng (bảng 2.1.2).

STT	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Số hiệu trên bản đồ	Vị Trí (Xã, huyện) Quải Tở, Tuần Giáo	Số giấy phép	Diện tích (ha)	Trữ lượng (m ³)	Công suất m ³ /năm	Tọa độ VN2000 KTT 105 múi 6 độ		Ghi chú
									Xm	Ym	
									2386016	343855	
									2385997	343817	
23	Bán Xá Đán	Đxd	11	Na Lay, TX. Mường Lay	Số: 690/QĐ-UBND ngày 03/8/2012 (QĐ Gia hạn)	7,4066	269000	40000	2439259	310894	Đang khai thác
									2439243	311035	
									2438756	311012	
									2438772	310851	
24	Na U'	Đxd	151	Điện Biên	Số 186/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 (QĐ Gia hạn)	1,2	780.000	40.000	2352348	285514	Đang khai thác
									2352462	285556	
									2352584	285381	
									2352497	285327	

(2) Quy hoạch các khu vực đá xây dựng thuộc diện không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên gồm các khu vực được thống kê tại Bảng 2.1.3.

Bảng Error! No text of specified style in document.-3: Các khu vực quy hoạch đá xây dựng thuộc diện không đấu giá theo QĐ số 1662/QĐ-UBND ngày 10/9/2021

STT	LoạiKS	VịTri	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		DienTich (ha)
					X(m)	Y(m)	
1	Đá xây dựng	Tây Trang 7, xã Na U', huyện Điện Biên	KDG13	1	2351652	493042	2,46
				2	2351766	493082	
				3	2351886	492906	
				4	2351798	492853	
2	Đá xây dựng	Huổi Đóch, xã Na Sang, huyện Mường Chà	KDG14	1	2398800	506533	1,21
				2	2398725	506577	
				3	2398660	506450	
				4	2398732	506408	
3	Đá xây dựng	bản Nà Ri, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đụng	KDG15	1	2356860	544516	1,1045
				2	2356843	544550	
				3	2356673	544501	
				4	2356720	544422	
4	Đá xây dựng	Đèo Gió, xã Sính Phình, huyện Tủa Chùa	KDG16	1	2419691	533672	0,6003
				2	2419606	533686	
				3	2419613	533754	
				4	2419702	533739	
5	Đá xây dựng	Minh Thắng 2, xã Quài Nưa, huyện Tuần Giáo	KDG17	1	2395000	547000	2,4155
				2	2395016	547122	
				3	2394767	547073	
				4	2394750	546998	
6	Đá xây dựng	Khối 1, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà	KDG18	1	2405135	507769	4,0
				2	2405131	507911	
				3	2404855	507909	
				4	2404858	507761	
7	Đá xây dựng		KDG19	1	2350786	492807	33,7
				2	2350928	493003	

STT	LoạiKS	VịTri	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		DienTich (ha)
					X(m)	Y(m)	
		Ka Hâu 2, xã Na U', huyện Điện Biên		3	2350903	493112	
				4	2351108	493263	
				5	2351375	493653	
				6	2350948	493652	
				7	2350457	493150	
8	Đá xây dựng	Sín Sủ, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	KDG20	1	2419644	541259	0,7346
				2	2419568	541341	
				3	2419524	541296	
				4	2419599	541209	
9	Đá xây dựng	Huổi Nhặt 2, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	KDG21	1	2422722	490024	1,0
				2	2422748	490098	
				3	2422632	490141	
				4	2422604	490065	
10	Đá xây dựng	Tây Trang 10, xã Na U', huyện Điện Biên	KDG22	1	2352153	492908	7,0
				2	2352226	493058	
				3	2352296	493070	
				4	2352340	493016	
				5	2352206	492861	
				6	2352270	492715	
				7	2352562	492962	
11	Đá xây dựng	Mường Ảng 1, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng	KDG23	1	2381366	523892	3,9882
				2	2381465	523715	
				3	2381616	523747	
				4	2381522	524001	
12	Đá xây dựng	Bản Pa Ma, xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	KDG24	1	2480609	437577	0,6
				2	2480609	437657	
				3	2480534	437657	
				4	2480534	437577	
13	Đá xây dựng	Mường Nhà 1, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	KDG25	1	2331648	512484	0,5
				2	2331650	512581	
				3	2331597	512585	
				4	2331596	512486	

STT	LoạiKS	VịTri	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		DienTich (ha)
					X(m)	Y(m)	
14	Đá xây dựng	Cò Chạy, xã Mường Pồn, huyện Điện Biên	KDG26	1	2378408	502099	3,7
				2	2378410	502359	
				3	2378300	502356	
				4	2378221	502191	
				5	2378326	502100	
15	Đá xây dựng	Búng Lao, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	KDG27	1	2377772	535167	1,4768
				2	2377730	535277	
				3	2377616	535225	
				4	2377678	535107	
16	Đá xây dựng	Bản Quảng Lâm, xã Quảng Lâm, huyện Mường Nhé	KDG28	1	2436623	465066	0,8589
				2	2436634	465133	
				3	2436513	465163	
				4	2436500	465095	
17	Đá xây dựng	Bản Hả, xã Pô Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	KDG29	1	2367485	508883	2,9588
				2	2367453	508974	
				3	2367216	508812	
				4	2367280	508708	
18	Đá xây dựng	Pa Tàn, xã Pa Tàn, huyện Nậm Pồ	KDG30	1	2437752	470226	1,136
				2	2437661	470330	
				3	2437597	470253	
				4	2437692	470186	
19	Đá xây dựng	Mường Toong, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	KDG31	1	2453535	457741	2,5897
				2	2453598	457604	
				3	2453356	457587	
				4	2453443	457485	
20	Đá xây dựng	Sen Thượng, xã Sen Thượng, huyện Mường Nhé	KDG32	1	2478688	431619	2,466
				2	2478617	431796	
				3	2478491	431769	
				4	2478564	431586	
21	Đá xây dựng	Păng Dê B, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	KDG33	1	2419806	541560	0,9159
				2	2419774	541643	
				3	2419680	541580	

STT	LoạiKS	ViTri	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		DienTich (ha)
					X(m)	Y(m)	
				4	2419759	541500	

1.1.3. Sét gạch ngói

Các khu vực đang hoạt động khai thác sét gạch ngói

Bảng Error! No text of specified style in document.-4: Các khu vực sét gạch ngói đang khai thác

STT	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Số hiệu trên bản đồ	Vị trí	Số quyết định	Diện tích	Trữ lượng (m ³)	Tọa độ VN2000 KTT 105 múi 6 độ		Ghi chú
								X(m)	Y(m)	
1	Đội 13+14, Bán Pú Tầu	Sgn	120	Thanh Xương, Điện Biên	786/QĐ-UBND ngày 23/8/2011	0,88937	124	2361809	295853	Đang khai thác
								2361803	295793	
								2361832	295794	
								2361893	295823	
								2361931	295824	
								2361947	295854	
								2361915	295842	
								2362012	295860	
								2352014	295757	
								2362008	295895	
								2361968	295894	
								2361947	295854	
2	Đội 1, Bán Bán	Sgn	113	Thanh Xương -P.Nam Thanh, Điện Biên, TP.Điện Biên	291/QĐ-UBND ngày 01/4/2011	0,9911	124000	2364476	295235	Đang khai thác
								2364473	295250	
								2364468	295260	
								2364438	295319	
								2364432	295363	
								2364412	295363	
								2364412	295357	

STT	Tên mỏ	Loại khoáng sản	Số hiệu trên bản đồ	Vị trí	Số quyết định	Diện tích	Trữ lượng (m ³)	Tọa độ VN2000 KTT 105 múi 6 độ		Ghi chú
								X(m)	Y(m)	
								2364369	295354	
								2364370	295314	
								2364377	295315	
								2364385	295257	
								2364383	295256	
								2364386	295238	
								2364426	295242	
								2364432	295214	
								2364462	295211	
								2364462	295235	

1.1.4. Cát xây dựng

Quy hoạch các khu vực cát xây dựng thuộc diện **không đấu giá** quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên gồm 7 khu vực (bảng 2.1.6), cụ thể như sau:

Bảng Error! No text of specified style in document.-5: Các khu vực cát xây dựng – khu vực không đấu giá năm 2021

STT	Loại khoáng sản	Vị trí	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)
					Xm	Ym	
1	Cát xây dựng	Bản Nậm He, xã Mường Tưng, huyện Mường Chà	KDG6	1	2432156	508840	2,0903
				2	2432077	508930	
				3	2431958	508978	
				4	2431922	509069	
				5	2431686	509088	
				6	2431607	509126	
				7	2431561	509100	
				8	2431438	509117	
				9	2431435	509089	
				10	2431561	509075	

STT	Loại khoáng sản	Vị trí	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)
					Xm	Ym	
				11	2431606	509103	
				12	2431692	509065	
				13	2431904	509046	
				14	2431939	508957	
				15	2432063	508903	
				16	2432141	508821	
2	Cát xây dựng	Bản Na Tông 1 và 2, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên	KDG7	1	2341487	507808	1,3581
				2	2341507	507812	
				3	2341500	507956	
				4	2341466	507978	
				5	2341421	507969	
				6	2341466	507922	
				7	2341449	507909	
				8	2341462	507898	
				9	2341465	507888	
				10	2341464	507851	
				11	2341305	508091	
				12	2341311	508133	
				13	2341305	508166	
				14	2341278	508177	
				15	2341245	508166	
				16	2341261	508117	
				17	2341283	508095	
				18	2341115	508217	
				19	2341134	508239	
				20	2341149	508260	
				21	2341150	508289	
				22	2341091	508253	
3	Cát xây dựng	Đội 19, xã Noong Hẹt và Đội 19, xã Noong Luống, huyện Điện Biên	KDG8	1	2355825	499907	1,23
				2	2355787	500037	
				3	2355842	500051	

STT	Loại khoáng sản	Vị trí	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)
					Xm	Ym	
				4	2355876	499929	
				5	2356157	499601	
				6	2356079	499587	
				7	2356079	499652	
				8	2356150	499671	
4	Cát xây dựng	Đội 6, xã Pom Lót và đội 19, xã Noong Luống, huyện Điện Biên	KDG9	1	2355607	499797	1,4
				2	2355469	499919	
				3	2355424	499852	
				4	2355567	499728	
5	Cát xây dựng	Bản Pom Lót, xã Pom Lót và đội 18, xã Noong Luống, huyện Điện Biên	KDG10	1	2354884	500161	1,0
				2	2354819	500189	
				3	2354733	500157	
				4	2354749	500087	
				5	2354805	500110	
				6	2354860	500097	
6	Cát xây dựng	Đội 1, bản Noong Vai, xã Thanh Yên và Đội C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	KDG11	1	2361245	500439	0,6383
				2	2361201	500467	
				3	2361130	500367	
				4	2361180	500343	
7	Cát xây dựng	Bản Pá Nậm, xã Pom Lót và bản Uva, thôn C3, xã Noong Luống, huyện Điện Biên	KDG12	1	2354644	500090	
				2	2354693	500022	
				3	2354530	499815	
				4	2354486	499867	

(2) Quy hoạch các khu vực cát sỏi xây dựng thuộc diện **phải đấu giá** quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên gồm 14 khu vực (bảng 2.1.7).

Bảng Error! No text of specified style in document.-6: Các khu vực cát, sỏi làm vật liệu xây dựng – khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản

TT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)	Ghi chú
					Xm	Ym		
1	Cát, sỏi làm VLXDTT	Lòng sông Nậm Núa thuộc Thôn Pú Ngam, xã Núa Ngam và Bản Ta Lét, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	Dg1	1	2351857.00	504937.00	1.4647	
				2	2351848.00	504984.00		
				3	2351763.00	504933.00		
				4	2351748.00	505033.00		
				5	2351698.00	505049.00		
				6	2351680.00	504965.00		
				7	2351722.00	504880.00		
				8	2351759.00	504867.00		
				9	2351809.00	504923.00		
2	Cát, sỏi làm VLXDTT	Đội 1, Bản Noong Vai và Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	Dg2	1	2361244.00	499841.00	5.9950	
				2	2361581.00	499785.00		
				3	2361607.00	499938.00		
				4	2361333.00	500018.00		
				5	2361254.00	499987.00		
3	Cát, sỏi làm VLXDTT	Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG3	1	2361186.00	500166.00	7.4250	
				2	2361621.00	499991.00		
				3	2361676.00	500066.00		
				4	2361323.00	500288.00		
				5	2361356.00	500455.00		
				6	2361317.00	500466.00		
4	Cát, sỏi làm VLXDTT	Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG4	1	2360805.00	500057.00	2.4520	
				2	2360927.00	500069.00		
				3	2360896.00	500244.00		
				4	2360753.00	500251.00		

TT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)	Ghi chú
					Xm	Ym		
5	Cát, sỏi làm VLXDTT	Thôn C2 - Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG5	1	2359550.00	500396.00	3.4580	
				2	2359535.00	500522.00		
				3	2359464.00	500397.00		
				4	2359218.00	500406.00		
				5	2359197.00	500295.00	1.2940	
				6	2359219.00	500239.00		
				7	2359004.00	500033.00		
				8	2358980.00	500080.00		
				9	2358782.00	499955.00		
				10	2358811.00	499904.00		
6	Cát, sỏi làm VLXDTT	Thôn C3- Thanh Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG6	1	2358134.00	499834.00	3.4860	
				2	2358158.00	499778.00		
				3	2358243.00	499842.00		
				4	2358206.00	499932.00		
				5	2358391.00	500059.00		
				6	2358260.00	500145.00		
				7	2358228.00	500128.00		
				8	2358201.00	500076.00		
7	Cát, sỏi làm VLXDTT	Bãi màu Nậm Thanh và Đội 19 (Thôn Đại Thanh), xã Noong Luống, huyện Điện Biên	DG7	1	2357549,75	499536,26	2.2400	UBND tỉnh đã cấp Giấy phép thăm dò số 21/GP-UBND ngày 23/11/2020
				2	2357577,92	499620,22		
				3	2357277,45	499569,83		
				4	2357285,21	499487,22		
				5	2357294,54	499461,64		
				6	2357341,03	499508,10		
				7	2357385,98	499532,32		
				8	2357438,17	499510,71		
				9	2356816,16	499232,40	7.7600	

TT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)	Ghi chú
					Xm	Ym		
				10	2356840,56	499443,80		
				11	2356513,91	499587,70		
				12	2356471,05	499366,20		
8	Cát, sỏi làm VLXDTT	Đội 2, xã Thanh yên, huyện Điện Biên	DG8	1	2360302.00	500258.00	1.5400	UBND tỉnh đã cấp GPthăm dò số 08/GP-UBND, 06/9/2019; Quyết định p. duyệt số 96/QĐ-UBND, 22/01/2020
				2	2360437.00	500259.00		
				3	2360435.00	500348.00		
				4	2360392.00	500362.00		
				5	2360301.00	500363.00		
				6	2360268.00	500356.00		
9	Cát làm VLXDTT	Lòng suối Nậm Giới thuộc bản Mường Luân 1,2 xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	DG9	1	2351766.00	539760.00	0.0824	
				2	2351758.00	539752.00		
				3	2351823.00	539713.00		
				4	2351827.00	539724.00		
10	Cát làm, VLXDTT	Lòng suối Nậm Giới thuộc bản Mường Luân 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	DG10	1	2350378.00	540467.00	0.2512	
				2	2350369.00	540482.00		
				3	2350300.00	540450.00		
				4	2350243.00	540467.00		
				5	2350237.00	540453.00		
				6	2350295.00	540430.00		
11	Cát làm VLXDTT	Lòng suối Nậm Giới	DG11	1	2349436.00	540501.00	0,11154	
				2	2349440.00	540507.00		

TT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)	Ghi chú
					Xm	Ym		
					thuộc bản Yên Bua, xã Luân Giói, huyện Điện Biên Đông	3		
		4	2349479.00	540464.00				
		5	2349478.00	540414.00				
		6	2349466.00	540423.00				
		7	2349471.00	540458.00				
		8	2349461.00	540479.00				
12	Cát làm VLXDTT	Lòng suối Lư thuộc bản Suối Lư 1,2, 3, xã Keo Lôm và bản Háng Pu Xi, xã Phi Nhừ, huyện Điện Biên Đông	DG12	1	2351452.00	526644.00	0,15205	
				2	2351466.00	526651.00		
				3	2351392.00	526680.00		
				4	2351391.00	526709.00		
13	Cát, sỏi làm VLXDTT	Bãi bồi lòng suối Nậm Múc thuộc bản Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà	DG13	1	2396930.00	506494.00	4.2144	
				2	2396913.00	506598.00		
				3	2396536.00	506437.00		
				4	2396586.00	506338.00		
				5	2397161.00	506837.00	1.6598	
				6	2397266.00	507022.00		
				7	2397239.00	507052.00		
				8	2397115.00	506961.00		
				9	2397101.00	506878.00		
14	Cát, sỏi làm VLXDTT	Bãi bồi lòng suối Nậm Múc thuộc bản Hin 2, xã	DG14	1	2400292.00	507969.00	1.9827	
				2	2400244.00	508096.00		
				3	2400148.00	508184.00		
				4	2400027.00	508226.00		

TT	Loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)	Ghi chú
					Xm	Ym		
		Na Sang, huyện Mường Chà		5	2400020.00	508196.00		
				6	2400118.00	508153.00		
				7	2400173.00	508078.00		
				8	2400200.00	507973.00		

(3) Ngoài ra, đối với cát xây dựng cần sử dụng các vật liệu thải ở khu mỏ đá xây dựng và các tập đá cát kết trong các thành tạo địa chất để sản xuất cát nhân tạo.

1.1.5. Vật liệu san lấp

Có 05, Quy hoạch các khu vực đất làm vật liệu san lấp, thuộc diện không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Điện Biên gồm các khu vực (Bảng 2.1.8)

Bảng Error! No text of specified style in document.-7: Các khu vực quy hoạch đất san lấp – thuộc diện không đấu giá quyền khai thác

STT	Loại khoáng sản	Vị trí	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)
					Xm	Ym	
1	Đất san lấp	Bản Hua Nỏ, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	KDG1	1	2371827	500494	3,2
				2	2371809	500532	
				3	2371742	500534	
				4	2371718	500515	
				5	2371612	500497	
				6	2371566	500447	
				7	2371518	500378	
				8	2371609	500341	
				9	2371691	500389	
				10	2371723	500423	
2	Đất san lấp	Bản Pom Loi, phường Nam Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG2	1	2364566	503144	10,8
				2	2364467	503336	
				3	2364359	503388	
				4	2364480	503395	

STT	Loại khoáng sản	Vị trí	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)
					Xm	Ym	
				5	2364468	503499	
				6	2364330	503440	
				7	2364253	503415	
				8	2364177	503333	
				9	2364218	503113	
				10	2364303	503035	
3	Đất san lấp	Khu TĐC Khe chót 2, phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG3	1	2365800	503799	3,97
				2	2365868	503834	
				3	2365885	503897	
				4	2365883	503976	
				5	2365874	504046	
				6	2365841	504108	
				7	2365768	504115	
				8	2365710	504071	
				9	2365728	504002	
				10	2365750	503958	
				11	2365739	503901	
				12	2365739	503845	
				13	2365779	503830	
4	Đất san lấp	Khu Trung tâm HCCT, phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG4	1	2366041	503881	5,94
				2	2366086	503855	
				3	2366113	503878	
				4	2366143	503966	
				5	2366179	503981	
				6	2366216	504020	
				7	2366248	504008	
				8	2366286	504008	
				9	2366301	504021	
				10	2366329	504141	
				11	2366292	504191	
				12	2366232	504188	
				13	2366178	504163	

STT	Loại khoáng sản	Vị trí	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích (ha)
					Xm	Ym	
				14	2366127	504079	
				15	2366100	504100	
				16	2366057	504084	
				17	2366024	504028	
				18	2365995	503999	
				19	2365961	503981	
				20	2365962	503908	
5	Đất san lấp	Bản Nà Búng, phường Thanh Trường, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG5	21	2368355	502161	8,2
				22	2368489	502288	
				23	2368539	502361	
				24	2368593	502468	
				25	2368568	502588	
				26	2368498	502666	
				27	2368490	502610	
				28	2368443	502556	
				29	2368338	502518	
				30	2368266	502438	
				31	2368244	502362	
				32	2368215	502282	
				33	2368229	502195	

1.1.6. Các khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ khác

Bảng Error! No text of specified style in document.-8: Các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ khác (ngoài than) đủ tiêu chí theo quy định tại Nghị định chính phủ số 158/2016/NĐ-CP, ngày 29 tháng 11 năm 2016

Stt	Loại khoáng sản	Vị trí	Số hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích	Ghi chú
					X103	Y103		
1			nl-10	1	2410435	541858	65	

Stt	Loại khoáng sản	Vị trí	Số hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích	Ghi chú
					X103	Y103		
	Chi kem	Xá Nhè, xã Mùn Chung, Tuần Giáo		2	2410460	543745.9		
				3	2410119	543758.2		
				4	2410090	541870.3		
2	Chi kem	Pú Bó – Xá Nhè, xã Nà Tông, Tuần giáo	nl-1	1	2409319	541167	56	
				2	2409283	542766		
				3	2408933	542771		
				4	2408969	541171		
3	Chi kem	Huổi Tao A, xã Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	nl-2.1	1	2362556	509680	24.619	Khu 1
				2	2362403	509890		
				3	2363115	510358		
				4	2363290	510085		
	Chi kem		nl-2.2	5	2361977	511168	24.0575	Khu 2
				6	2362157	511376		
				7	2361640	511915		
				8	2361378	511675		
4	Đá vôi	Xã Na Ủ, huyện Điện Biên	nl-8	1	2351236	491960	70	
				2	2351950	491542		
				3	2352200	492330		
				4	2351453	492769		
5	Vàng	Mỏ bản Háng Trợ, xã Mùn Chung,	nl-9	1	2356226	532870	19.9143	BTNMT công bố nhỏ lẻ, QĐ 1236/QĐ-
				2	2355843	533466		
				3	2355653	533343		

Stt	Loại khoáng sản	Vị trí	Số hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ VN2000 KTT 103 múi 3 độ		Diện tích	Ghi chú
					X103	Y103		
		Tuần Giáo		4	2355981	532659		BTNMT, 25/7/2013

Bảng Error! No text of specified style in document.-9: Tổng hợp các khu vực Quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 theo loại khoáng sản

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
I. Các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đủ tiêu chí theo qui định pháp luật về khoáng sản									
1	T-Than	Bản Huổi Tao A, xã Pú Nhi và xã Noong U, huyện Điện Biên Đông.	nl-3	1	2360969	508533	103, múi 3	66.925	Thông qua đấu giá
				2	2361083	508831			
				3	2361000	509064			
				4	2360466	509303			
				5	2360340	509245			
				6	2359521	508995			
				7	2359735	508622			
				8	2360120	508978			
				9	2360670	508810			
				10	2360562	508502			
2	T-Than	Tà Té, xã Noong U huyện Điện Biên Đông	nl-4	1	2359395	507845	103, múi 3	50	Thông qua đấu giá
				2	2359400	508387			
				3	2359079	508745			
				4	2358472	508778			
				5	2358787	508209			
				6	2358066	508090			
				7	2358058	507605			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động đồng khoáng sản
					X(m)	Ym			
9	Pb-Zn, Chi kem	Huổi Tao A, xã Pú Nhi, huyện Điện Biên Đông	nl-2.1	1	2362556	509680	103, múi 3	24.619	Khu 1
				2	2362403	509890			
				3	2363115	510358			
				4	2363290	510085			
	Pb-Zn, Chi kem		nl-2.2	5	2361977	511168	103, múi 3	24.057 5	Khu 2
				6	2362157	511376			
				7	2361640	511915			
				8	2361378	511675			
10	Đv- Đá vôi	Xã Na U', huyện Điện Biên	nl-8	1	2351236	491960	103, múi 3	70.00	Đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác 2006 (trước Luật khoáng sản 2010)
				2	2351950	491542			
				3	2352200	492330			
				4	2351453	492769			
11	Au - Vàng	Mỏ bản Háng Trợ, xã Mùn Chung, Tuần Giáo	nl-9	1	2356226	532870	103, múi 3	19.914 3	BTNMT công bố nhỏ lẻ, QĐ 1236/Q ĐBTNM T, 25/7/201 3
				2	2355843	533466			
				3	2355653	533343			
				4	2355981	532659			
II . Các khu vực khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh									
II.1. Đá xây dựng									
1	Đxd - Đá xây dựng	Ka Hâu 1, Na U', Điện Biên	KDG- 160	1	2351485	285268	105, múi 6	33,7	Khu vực không đấu giá - Đang khai thác
				2	2351625	285466			
				3	2351355	285742			
				4	2351789	285746			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mô	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
				5	2378326	502100			
39	Đxd - Đá xây dựng	Bằng Lao, xã Bằng Lao, huyện Mường àng	KDG-27	1	2377772	535167	103, múi 3	1.4768	Khu vực không đầu giá
				2	2377730	535277			
				3	2377616	535225			
				4	2377678	535107			
40	Đxd - Đá xây dựng	Bản Quảng Lồm, xã Quảng Lồm, huyện Mường Nhé	KDG-28	1	2436623	465066	103, múi 3	0.8589	Khu vực không đầu giá
				2	2436634	465133			
				3	2436513	465163			
				4	2436500	465095			
41	Đxd - Đá xây dựng	Bản Hả, xã Pồ Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	KDG-29	1	2367485	508883	103, múi 3	2.9588	Khu vực không đầu giá
				2	2367453	508974			
				3	2367216	508812			
				4	2367280	508708			
42	Đxd - Đá xây dựng	Pa Tẩn, xã Pa Tẩn, huyện Nậm Pồ	KDG-30	1	2437752	470226	103, múi 3	1.136	Khu vực không đầu giá
				2	2437661	470330			
				3	2437597	470253			
				4	2437692	470186			
43	Đxd - Đá xây dựng	Mường Toong, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	KDG-31	1	2453535	457741	103, múi 3	2.5897	Khu vực không đầu giá
				2	2453598	457604			
				3	2453356	457587			
				4	2453443	457485			
44	Đxd - Đá xây dựng	Sen Thượng, xã Sen Thượng, huyện	KDG-32	1	2478688	431619	103, múi 3	2.466	Khu vực không đầu giá
				2	2478617	431796			
				3	2478491	431769			
				4	2478564	431586			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
45	Đxd - Đá xây dựng	Păng Dê B, xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	KDG-33	1	2419806	541560	103, múi 3	0.9159	Khu vực không đấu giá
				2	2419774	541643			
				3	2419680	541580			
				4	2419759	541500			
II.2. Sét gạch ngói									
1	Sgn - Sét gạch ngói	Đội 13+14, Bán Pú Tửu, Thanh Xương, Điện Biên	KDG- 120	1	2361809	295853	105, múi 6	0.8893 7	Khu vực không đấu giá- Đang khai thác
				2	2361803	295793			
				3	2361832	295794			
				4	2361893	295823			
				5	2361931	295824			
				6	2361947	295854			
				7	2361915	295842			
				8	2362012	295860			
				9	2352014	295757			
				10	2362008	295895			
				11	2361968	295894			
				12	2361947	295854			
				13	2361931	295824			
				14	2361977	295845			
2	Sgn - Sét gạch ngói	Đội 1, Bán Bánh, Thanh Xương - P.Nam Thanh, Điện Biên, TP.Điện Biên	KDG- 113	1	2364476	295235	105, múi 6	0.9911	Khu vực không đấu giá- Đang khai thác
				2	2364473	295250			
				3	2364468	295260			
				4	2364438	295319			
				5	2364432	295363			
				6	2364412	295363			
				7	2364412	295357			
				8	2364369	295354			
				9	2364370	295314			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mô	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
				10	2364377	295315			
				11	2364385	295257			
				12	2364383	295256			
				13	2364386	295238			
				14	2364426	295242			
				15	2364432	295214			
				16	2364462	295211			
				17	2364462	295235			
II.2. Cát xây dựng									
1	Cxd- Cát xây dựng	bản Nậm He, xã Mường Tụng, huyện Mường Chà	KDG-6	1	2432156	508840	103, múi 3	2.0903	Khu vực không đầu giá
				2	2432077	508930			
				3	2431958	508978			
				4	2431922	509069			
				5	2431686	509088			
				6	2431607	509126			
				7	2431561	509100			
				8	2431438	509117			
				9	2431435	509089			
				10	2431561	509075			
				11	2431606	509103			
				12	2431692	509065			
				13	2431904	509046			
				14	2431939	508957			
				15	2432063	508903			
				16	2432141	508821			
2	Cxd- Cát xây dựng	Đội 19, xã Noong Hẹt và Đội 19, xã Noong	KDG-8	1	2355825	499907	103, múi 3	1.23	Khu vực không đầu giá
				2	2355787	500037			
				3	2355842	500051			
				4	2355876	499929			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mô	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
		Luống, huyện Điện Biên		5	2356157	499601			
				6	2356079	499587			
				7	2356079	499652			
				8	2356150	499671			
3	Cxd- Cát xây dựng	Bản Pom Lút, xã Pom Lút và đội 18, xã Noong Luống, huyện Điện Biên	KDG-10	1	2354884	500161	103, múi 3	1	Khu vực không đầu giá
				2	2354819	500189			
				3	2354733	500157			
				4	2354749	500087			
				5	2354805	500110			
				6	2354860	500097			
4	Cxd- Cát xây dựng	Đội 1, bản Noong Vai, xã Thanh Yòn và Đội C9, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên	KDG-11	1	2361245	500439	103, múi 3	0.6383	Khu vực không đầu giá
				2	2361201	500467			
				3	2361130	500367			
				4	2361180	500343			
5	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Lòng sông Nậm Núa thuộc Thôn Pú Ngam, xã Núa Ngam và Bản Ta Lét, xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	Dg1	1	2351857	504937	103, múi 3	1.4647	Đầu giá
				2	2351848	504984			
				3	2351763	504933			
				4	2351748	505033			
				5	2351698	505049			
				6	2351680	504965			
				7	2351722	504880			
				8	2351759	504867			
				9	2351809	504923			
6	Cxd- Cát, sỏi làm	Đội 1, Bản Noong Vai và	Dg2	1	2361244	499841	103, múi 3	5.9950	Đầu giá
				2	2361581	499785			
				3	2361607	499938			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mô	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản	
					X(m)	Ym				
	VLXD TT	Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên		4	2361333	500018				
				5	2361254	499987				
7	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Đội 15, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG3	1	2361186	500166	103, múi 3	7.4250	Đầu giá	
				2	2361621	499991				
				3	2361676	500066				
				4	2361323	500288				
				5	2361356	500455				
				6	2361317	500466				
8	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Thôn 2, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG4	1	2360805	500057	103, múi 3	2.4520	Đầu giá	
				2	2360927	500069				
				3	2360896	500244				
				4	2360753	500251				
9	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Thôn C2 - Yên Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG5	1	2359550	500396	103, múi 3	3.4580	Đầu giá	
				2	2359535	500522				
				3	2359464	500397				
				4	2359218	500406				
				5	2359197	500295				
				6	2359219	500239				
				7	2359004	500033	103, múi 3	1.2940		
				8	2358980	500080				
				9	2358782	499955				
				10	2358811	499904				
10	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Thôn C3- Thanh Trường, xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	DG6	1	2358134	499834	103, múi 3	3.4860	Đầu giá	
				2	2358158	499778				
				3	2358243	499842				
				4	2358206	499932				
				5	2358391	500059				

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
				6	2358260	500145			
				7	2358228	500128			
				8	2358201	500076			
11	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Bãi màu Nậm Thanh và Đội 19 (Thôn Đại Thanh), xã Noong Luống, huyện Điện Biên	DG7	1	2357550	499536	103, múi 3	2.2400	Đầu giá
				2	2357578	499620			
				3	2357277	499570			
				4	2357285	499487			
				5	2357295	499462			
				6	2357341	499508			
				7	2357386	499532			
				8	2357438	499511			
				9	2356816	499232	103, múi 3	7.7600	
				10	2356841	499444			
				11	2356514	499588			
				12	2356471	499366			
12	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Đội 2, xã Thanh yên, huyện Điện Biên	DG8	1	2360302	500258	103, múi 3	1.5400	Đầu giá
				2	2360437	500259			
				3	2360435	500348			
				4	2360392	500362			
				5	2360301	500363			
				6	2360268	500356			
13	Cxd- Cát làm VLXD TT	Lòng suối Nậm Giới thuộc bản Mường Luân 1,2 xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	DG9	1	2351766	539760	103, múi 3	0.0824	Đầu giá
				2	2351758	539752			
				3	2351823	539713			
				4	2351827	539724			
14			DG10	1	2350378	540467		0.2512	Đầu giá

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
	Cxd- Cát làm,VL XDTT	Lòng suối Nậm Giới thuộc bản Mường Luân 2, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông		2	2350369	540482	103, múi 3		
				3	2350300	540450			
				4	2350243	540467			
				5	2350237	540453			
				6	2350295	540430			
15	Cxd- Cát làm VLXD TT	Lòng suối Nậm Giới thuộc bản Yên Bua, xã Luân Giới, huyện Điện Biên Đông	DG11	1	2349436	540501	103, múi 3	0.1115	Đầu giá
				2	2349440	540507			
				3	2349473	540489			
				4	2349479	540464			
				5	2349478	540414			
				6	2349466	540423			
				7	2349471	540458			
				8	2349461	540479			
16	Cxd- Cát làm VLXD TT	Lòng suối Lư thuộc bản Suối Lư 1,2, 3, xã Keo Lôm và bản Háng Pu Xi, xã Phi Nhừ, Điện Biên Đông	DG12	1	2351452	526644	103, múi 3	0.1521	Đầu giá
				2	2351466	526651			
				3	2351392	526680			
				4	2351391	526709			
17	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Bãi bồi lòng suối Nậm Mực thuộc bản Mường Mươn, xã Mường Mươn, huyện	DG13	1	2396930	506494	103, múi 3	4.2144	Đầu giá
				2	2396913	506598			
				3	2396536	506437			
				4	2396586	506338			
				5	2397161	506837	103, múi 3	1.6598	
				6	2397266	507022			
				7	2397239	507052			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mỏ	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
		Mường Chà		8	2397115	506961			
				9	2397101	506878			
18	Cxd- Cát, sỏi làm VLXD TT	Bãi bồi lòng suối Nậm Mực thuộc bản Hìn 2, xã Na Sang, huyện Mường Chà	DG14	1	2400292	507969	103, múi 3	1.9827	Đầu giá
				2	2400244	508096			
				3	2400148	508184			
				4	2400027	508226			
				5	2400020	508196			
				6	2400118	508153			
				7	2400173	508078			
				8	2400200	507973			
II.4. Đất san lấp									
1	ĐSL- Đất san lấp	Bản Hua Nỏ, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	KDG-1	1	2371827	500494	103, múi 3	3.2	Khu vực không đầu giá
				2	2371809	500532			
				3	2371742	500534			
				4	2371718	500515			
				5	2371612	500497			
				6	2371566	500447			
				7	2371518	500378			
				8	2371609	500341			
				9	2371691	500389			
				10	2371723	500423			
2	ĐSL- Đất san lấp	Bản Pom Loi, phường Nam Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG-2	1	2364566	503144	103, múi 3	10.8	Khu vực không đầu giá
				2	2364467	503336			
				3	2364359	503388			
				4	2364480	503395			
				5	2364468	503499			
				6	2364330	503440			
				7	2364253	503415			
				8	2364177	503333			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mô	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
				9	2364218	503113			
				10	2364303	503035			
3	ĐSL- Đất san lấp	Khu TĐC Khe Chít 2, phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG-3	1	2365800	503799	103, múi 3	3.97	Khu vực không đấu giá
				2	2365868	503834			
				3	2365885	503897			
				4	2365883	503976			
				5	2365874	504046			
				6	2365841	504108			
				7	2365768	504115			
				8	2365710	504071			
				9	2365728	504002			
				10	2365750	503958			
				11	2365739	503901			
				12	2365739	503845			
				13	2365779	503830			
4	ĐSL- Đất san lấp	Khu Trung tâm, HCCT, phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG-4	1	2366041	503881	103, múi 3	5.94	Khu vực không đấu giá
				2	2366086	503855			
				3	2366113	503878			
				4	2366143	503966			
				5	2366179	503981			
				6	2366216	504020			
				7	2366248	504008			
				8	2366286	504008			
				9	2366301	504021			
				10	2366329	504141			
				11	2366292	504191			
				12	2366232	504188			
				13	2366178	504163			
				14	2366127	504079			

T T	Ký hiệu loại khoáng sản	Vị trí mô	Ký hiệu trên bản đồ	Điểm góc	Tọa độ Vn.2000		Kinh tuyến trục, múi chiều	Diện tích (ha)	Hình thức Cấp phép hoạt động khoáng sản
					X(m)	Ym			
5	ĐSL- Đất san lấp	Bản Nà Búng, phường Thanh Trường, Thành phố Điện Biên Phủ	KDG-5	15	2366100	504100	103, múi 3	8.2	Khu vực không đấu giá
				16	2366057	504084			
				17	2366024	504028			
				18	2365995	503999			
				19	2365961	503981			
				20	2365962	503908			
				21	2368355	502161			
				22	2368489	502288			
				23	2368539	502361			
				24	2368593	502468			
				25	2368568	502588			
				26	2368498	502666			
				27	2368490	502610			
				28	2368443	502556			
				29	2368338	502518			
				30	2368266	502438			
				31	2368244	502362			
				32	2368215	502282			
				33	2368229	502195			

Ngoài các khu vực có khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường gồm đá xây dựng, cát sỏi xây dựng, đất đá làm vật liệu san lấp như đã dự kiến quy hoạch nêu trên, nhưng để đảm bảo có đủ nguồn nguyên liệu phục vụ cho nhu cầu sau năm 2030 và các nhu cầu đột xuất (nếu có) đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đầu tư rà soát, điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh nhằm khoanh định bổ sung chi tiết các khu vực có khoáng sản làm vật liệu xây dựng đủ điều kiện hoạt động khoáng sản để quản lý, cấp phép nhằm đáp ứng nhu cầu.

Các khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ đề nghị UBND tỉnh có văn bản đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố (đối với các khu vực chưa công bố) làm cơ sở để thực hiện quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản ở các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ theo quy định.

2.2. Phương án bảo vệ tài nguyên

Xác định các mỏ, khu vực địa điểm có khoáng sản chưa khai thác, cấm khai thác cần bảo vệ với từng loại khoáng sản.

Theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 28 Luật Khoáng sản, khu vực cấm và tạm cấm hoạt động khoáng sản bao gồm:

Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật di sản văn hóa;

Khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ, khu bảo tồn địa chất;

Khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc nếu tiến hành hoạt động khoáng sản có thể gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

Đất do cơ sở tôn giáo sử dụng;

Đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đề điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định khi có một trong các yêu cầu sau đây:

Yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

Bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử văn hoá, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản;

Phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai.

2.3. Giải pháp bảo vệ khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản

Giải pháp về việc tăng cường và thống nhất quản lý nhà nước về khoáng sản từ trung ương tới địa phương.

Nhà nước thống nhất quản lý kết quả thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng; đầu tư cho việc quy hoạch, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường tiếp tục hoàn thiện các văn bản pháp luật, các thủ tục hành chính và phân cấp quản lý, đền bù khi sử dụng đất nhằm đẩy nhanh việc cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản; hoàn thiện các quy định về thuế tài nguyên, các chi phí bảo vệ môi trường, hoàn thổ; Bộ Xây dựng chỉ đạo, kiểm tra, định kỳ cập nhật tình hình thực hiện quy hoạch và tiến hành bổ sung điều chỉnh quy hoạch; các địa phương tổ chức quản lý, giám sát việc thăm dò, khai thác mỏ khoáng sản, phục hồi môi trường, tránh tình trạng chồng chéo với các quy hoạch khác;

Kiến toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản từ tỉnh đến huyện đủ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Không giới hạn việc thăm dò các mỏ khoáng sản. Xây dựng các tiêu chí để đơn giản và công khai hóa các thủ tục cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp. Khi duyệt cấp phép khai thác mỏ khoáng sản, phải yêu cầu chủ đầu tư sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn hàng hoá có chất lượng cao để các cơ sở sử dụng không phải chế biến lại;

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành và cấp tỉnh khi cấp phép khai thác một số mỏ và có chế tài đủ mạnh để kiểm tra, giám sát sau khi đã cấp phép khai thác, các cơ sở phải thực hiện nghiêm chỉnh việc khai thác tận dụng tài nguyên, phục hồi môi trường và thực hiện chế độ báo cáo hàng năm với các cơ quan quản lý.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, đặc biệt đối với những nơi có khoáng sản và hoạt động khoáng sản. Tuân thủ quy định của Luật Khoáng sản và các quy định có liên quan trong quản lý hoạt động khoáng sản.

Rà soát lại các quy định của pháp luật, các văn bản của tỉnh có liên quan đến công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn tỉnh (trong đó có quy định về quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động khoáng sản) để bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung những văn bản không còn phù hợp và ban hành văn bản mới theo quy định để thực hiện. Từng bước triển khai, hoàn thiện các văn bản quy phạm trong quản lý Nhà nước về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

Đối với các khu vực đã quy hoạch cấp phép khai thác cát sỏi lòng sông cần kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn lòng bờ bãi sông và ngoài trữ lượng được phê duyệt cần có quan trắc xác định tài nguyên cát sỏi được bồi đắp hàng năm ở từng khu mỏ.

Đối với các doanh nghiệp khi được cấp phép thăm dò, khai thác có phát hiện khoáng sản có giá trị cao hơn đối tượng khoáng sản được cấp phép phải báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền, xử lý theo quy định để đảm bảo khai thác tối đa, hiệu quả.

Ngay từ đầu năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc ban hành chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng – an ninh và dự toán ngân sách năm 2022 theo đó về khoáng sản tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố: *“Quyết liệt, nghiêm túc tham mưu cho UBND tỉnh chấn chỉnh tình trạng khai thác khoáng sản trái phép; tăng cường kiểm tra, kiểm soát nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm có hiệu quả tài nguyên khoáng sản. Khẩn trương thực hiện công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường đáp ứng nguồn cung trên thị trường. Phối hợp với Sở Xây dựng, các địa phương liên quan tiếp tục rà soát, đánh giá xác định các mỏ vật liệu, các điểm đổ thải phục vụ các dự án trọng điểm, dự án lớn trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sự chủ động, sẵn sàng các điều kiện thiết yếu cho việc triển khai nhanh các dự án. Kiểm soát chặt chẽ các thủ tục pháp lý; không để thất thoát tài nguyên khoáng sản, thất thoát nguồn thu cho ngân sách”*. Điều đó cho thấy UBND tỉnh đã rất quan tâm đến công tác bảo vệ khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Đây cũng là giải pháp cần xuyên suốt kỳ quy hoạch 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050.

2.4. Giải pháp về huy động vốn

Đối với công tác điều tra cơ bản về địa chất - khoáng sản: thực hiện theo quy hoạch của Bộ tài nguyên và Môi trường và nguồn vốn do Nhà nước đầu tư;

Vốn dùng cho công tác thăm dò: kết hợp huy động bằng vốn của các doanh nghiệp được cấp phép thăm dò và Nhà nước hỗ trợ một phần bằng vốn vay ưu đãi;

Áp dụng việc đa dạng hóa nguồn vốn, xã hội hóa trong việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản. Chủ động tìm kiếm tham gia các chương trình hợp tác quốc tế về tài nguyên khoáng sản nhằm tăng cường năng lực quản lý tài nguyên khoáng sản;

Triển khai các chính sách thu thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác sử dụng tài nguyên khoáng sản, nhằm tạo nguồn vốn phục vụ công tác quản lý tài nguyên khoáng sản;

Huy động mọi nguồn vốn ngân sách trong nước, trước hết cần sớm hoàn chỉnh quy hoạch, tiến hành xây dựng các đề án, phương án, dự án đầu tư cho công tác bảo vệ khoáng sản, quản lý hoạt động khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản. Trên cơ sở đó trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt và đầu tư theo kế hoạch hàng năm.

2.5. Giải pháp về cơ chế chính sách

Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền từ tỉnh, huyện đến xã; tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản;

Theo quy định hoạt động khoáng sản gồm thăm dò, khai thác nói chung nhà nước không đầu tư ngân sách (trừ khoáng sản phóng xạ). Do vậy, toàn bộ hoạt động thăm dò, khai thác các khu vực khoáng sản làm vật liệu thông thường, các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ thuộc quyền cấp phép của UBND tỉnh đều phải bằng nguồn vốn của các doanh nghiệp và hoạt động thăm dò khai thác thông qua đấu giá trước thăm dò hoặc không đấu giá (nếu có).

Để huy động tối đa nguồn lực, các doanh nghiệp tham gia đấu giá quyền thăm dò khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn tỉnh cần tổ chức công khai đấu giá trước thăm dò; có chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động khoáng sản về vốn đầu tư, xuất khẩu sản phẩm và tận thu các sản phẩm có giá trị cao trong các khu vực hoạt động khoáng sản.

2.6. Giải pháp về khoa học công nghệ

Về thăm dò khoáng sản: Tuy đối tượng thăm dò các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của tỉnh là đơn giản, nhưng cần quy định: các doanh nghiệp được quyền thăm dò phải sử dụng đơn vị hoặc có đội ngũ theo dõi chuyên nghiệp có đủ chức năng thăm dò theo quy định hiện hành về đánh giá, thăm dò khoáng sản;

Xây dựng chính sách khuyến khích và ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới thân thiện môi trường và tạo sản phẩm có giá trị cao trong khai thác và chế biến khoáng sản.

2.7. Giải pháp về phát huy trách nhiệm của nhà đầu tư khai thác khoáng sản đối với việc xây dựng cơ sở hạ tầng của địa phương

Trách nhiệm của nhà đầu tư phải bồi thường đầy đủ thiệt hại do hoạt động khoáng sản gây ra cho người dân địa phương gồm: đền bù hoa màu, đất đai, thường xuyên sửa chữa hoặc tham gia làm mới cơ sở hạ tầng sử dụng trong hoạt động khoáng sản, chế biến khoáng sản;

Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia xây dựng trường học, cầu đường, trạm y tế ở các khu vực khó khăn;

Yêu cầu doanh nghiệp hoạt động khoáng sản sử dụng tối đa lao động địa phương nơi hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản.

2.8. Giải pháp tăng cường thống nhất quản lý nhà nước về khoáng sản từ trung ương tới địa phương

Sau khi quy hoạch được HĐND tỉnh thông qua và UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt, cần có tổ chức tuyên truyền rộng rãi. Cụ thể:

Đăng công bố trên cổng thông tin điện tử của tỉnh;

Sở Tài nguyên và Môi trường cần gửi quy hoạch khoáng sản đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành); Bộ Công Thương; Bộ Xây Dựng để báo cáo và tránh quy hoạch trùng lặp. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng cần tổ chức triển khai rộng rãi quy hoạch đến các Sở ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND huyện), các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản và công bố công khai quy hoạch tại trụ sở làm việc và trên các phương tiện thông tin đại chúng. UBND các huyện tiếp tục triển khai quy hoạch tới UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND xã) và công khai quy hoạch liên quan đến địa bàn quản lý tại trụ sở UBND huyện, xã để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện theo quy hoạch và giám sát việc thực hiện quy hoạch của các tổ chức, cá nhân khác.

Đi đôi với việc công khai, triển khai rộng rãi quy hoạch, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về khoáng sản:

Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường cần duy trì nội dung tập huấn pháp luật về khoáng sản trong đợt tập huấn hàng năm cho cán bộ làm công tác tài nguyên và môi trường cấp huyện, xã; chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan, UBND các huyện xây dựng trình UBND Tỉnh ban hành "Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản và bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện một cách hiệu quả".

UBND các huyện, thị xã, thành phố cần tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao sự hiểu biết cho chính quyền cấp dưới; các doanh nghiệp khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản và nhân dân trong vùng có tài nguyên khoáng sản về chính sách, pháp luật về khoáng sản, nâng cao ý thức bảo vệ và khai thác hợp lý tài nguyên khoáng sản, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Sở Văn hoá Thông tin, Đài phát thanh truyền hình, báo tỉnh cần có kế hoạch thường xuyên tuyên truyền chính sách, pháp luật về khoáng sản, biểu dương những đơn vị, cá nhân làm tốt, phát hiện, phê phán và lên án những hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

KẾT LUẬN

1. Tổng kết

Quy hoạch khoáng sản lần này là quy hoạch kế thừa toàn bộ Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

Khoáng sản ở Điện Biên tương đối phong phú về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và nước nóng, nước khoáng, trong đó có ý nghĩa kinh tế nhất trong giai đoạn hiện nay là khoáng sản vật liệu xây dựng như đá xây dựng, đá vôi, cát cuội sỏi, đá vôi xi măng, sét xi măng và vật liệu san lấp. Trong thời gian tới cần đẩy mạnh đầu tư cho đánh giá, thăm dò để đảm bảo mục tiêu quy hoạch, phù hợp với sự phát triển theo giai đoạn của tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng.

Đối với các điểm quặng khoáng sản kim loại như đồng, chì - kẽm, sắt đều có quy mô nhỏ, nằm phân tán quặng nghèo đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố để địa phương quản lý thăm dò khai thác qui mô nhỏ phục vụ công nghiệp địa phương.

2. Kiến nghị

Cần đầu tăng cường các khu vực đấu giá hoạt động khoáng sản để góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách tỉnh;

Đề xuất các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng tăng cường đầu tư cho đánh giá tài nguyên các loại khoáng sản vàng, nước khoáng nước nóng đá hoa trắng và đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến trong giai đoạn 2021-2030.